



# BÁO CÁO RAU QUẢ

**NĂM 2023**



**AGRO@NFO**

Báo cáo được thực hiện bởi Trung tâm Thông tin và Phát triển  
Nông nghiệp Nông thôn (AGROINFO)



## MỤC LỤC

<b>I. SẢN XUẤT RAU QUẢ .....</b>	<b>4</b>
1.1. Tình hình sản xuất một số loại rau quả thế giới.....	4
1.1.1. <i>Tình hình sản xuất dưa hấu .....</i>	<i>4</i>
1.1.2. <i>Tình hình sản xuất chuối.....</i>	<i>6</i>
1.1.3. <i>Tình hình sản xuất dứa .....</i>	<i>8</i>
1.1.4. <i>Tình hình sản xuất tỏi .....</i>	<i>10</i>
1.1.5. <i>Tình hình sản xuất gừng .....</i>	<i>12</i>
1.1.6. <i>Tình hình sản xuất khoai lang.....</i>	<i>13</i>
1.2. Tình hình sản xuất rau quả Việt Nam .....	16
1.2.1. <i>Tình hình sản xuất chung .....</i>	<i>16</i>
1.2.2. <i>Tình hình sản xuất một số cây trồng chính .....</i>	<i>17</i>
<b>II. THƯƠNG MẠI RAU QUẢ.....</b>	<b>24</b>
2.1. Thương mại rau quả thế giới.....	24
2.1.1. <i>Xuất khẩu.....</i>	<i>24</i>
2.1.2. <i>Nhập khẩu.....</i>	<i>25</i>
2.2. Thương mại rau quả Việt Nam .....	26
2.2.1. <i>Xuất khẩu.....</i>	<i>26</i>
2.2.2. <i>Nhập khẩu.....</i>	<i>28</i>
2.3. Doanh nghiệp xuất khẩu rau quả .....	31
<b>III. MỘT SỐ CHÍNH SÁCH CÓ TÁC ĐỘNG ĐẾN NGÀNH RAU QUẢ TRONG NĂM 2023 .....</b>	<b>32</b>
3.1. Quốc tế .....	32
3.2. Trong nước.....	36
<b>IV. TRIỂN VỌNG NGÀNH RAU QUẢ.....</b>	<b>43</b>
3.1. Hiện trạng tiêu dùng thế giới .....	43
3.2. Dự báo xu hướng tiêu dùng rau quả thế giới .....	44
3.3. Dự báo xu thế sản xuất của Việt Nam .....	44



## DANH MỤC HÌNH

Hình 1: Cơ cấu diện tích sản xuất dưa hấu thế giới, 2012-2022.....	4
Hình 2: Cơ cấu diện tích sản xuất dưa hấu thế giới năm 2022 .....	5
Hình 3: Cơ cấu sản lượng dưa hấu thế giới, 2012-2022 .....	5
Hình 4: Cơ cấu sản lượng dưa hấu thế giới năm 2022.....	6
Hình 5: Cơ cấu diện tích sản xuất chuối thế giới, 2012-2022.....	6
Hình 6: Cơ cấu diện tích chuối thế giới năm 2022 .....	7
Hình 7: Cơ cấu sản lượng chuối thế giới, 2012-2022 .....	7
Hình 8: Cơ cấu sản lượng chuối thế giới năm 2022 .....	8
Hình 9: Cơ cấu diện tích sản xuất dứa thế giới, 2012-2022.....	8
Hình 10: Cơ cấu diện tích dứa thế giới năm 2022 .....	9
Hình 11: Cơ cấu sản lượng dứa thế giới, 2012-2022 .....	9
Hình 12: Cơ cấu sản lượng dứa thế giới năm 2022 .....	10
Hình 13: Cơ cấu diện tích tỏi thế giới, 2012-2022.....	10
Hình 14: Cơ cấu diện tích sản xuất tỏi thế giới năm 2022.....	11
Hình 15: Cơ cấu sản lượng tỏi thế giới, 2012-2022.....	11
Hình 16: Cơ cấu sản lượng tỏi thế giới năm 2022 .....	12
Hình 17: Biến động diện tích sản xuất gừng một số nước trên thế giới, 2012-2022.....	12
Hình 18: Biến động sản lượng gừng một số nước trên thế giới, 2012-2022 .....	13
Hình 19: Cơ cấu diện tích khoai lang thế giới, 2012-2022.....	14
Hình 20: Cơ cấu diện tích khoai lang thế giới năm 2022 .....	14
Hình 21: Cơ cấu sản lượng khoai lang thế giới, 2012-2022 .....	15
Hình 22: Cơ cấu sản lượng khoai lang thế giới năm 2022.....	15
Hình 23: Diện tích trồng trái cây của Việt Nam, 2013 - 2022.....	16
Hình 24: Diện tích sầu riêng Việt Nam giai đoạn 2017-2022 .....	17
Hình 25: Sản lượng sầu riêng Việt Nam giai đoạn 2017-2022.....	17
Hình 26: Diện tích xoài Việt Nam giai đoạn 2013 - 2022 .....	18
Hình 27: Sản lượng xoài Việt Nam giai đoạn 2013 - 2022 .....	18



Hình 28: Diện tích chuối Việt Nam giai đoạn 2013 - 2022 .....	19
Hình 29: Sản lượng chuối Việt Nam giai đoạn 2013 - 2022 .....	19
Hình 30: Diện tích bưởi Việt Nam giai đoạn 2013 - 2022.....	20
Hình 31: Sản lượng bưởi Việt Nam giai đoạn 2013 - 2022.....	20
Hình 32: Diện tích vải Việt Nam giai đoạn 2013-2022 .....	21
Hình 33: Sản lượng vải Việt Nam giai đoạn 2013-2022 .....	21
Hình 34: Diện tích nhãn Việt Nam giai đoạn 2013-2022 .....	22
Hình 35: Sản lượng nhãn Việt Nam giai đoạn 2013-2022.....	22
Hình 36: Diện tích khoai lang Việt Nam giai đoạn 2013-2022 .....	23
Hình 37: Sản lượng khoai lang Việt Nam giai đoạn 2013-2022.....	23
Hình 38: Biến động giá trị xuất khẩu rau quả thế giới giai đoạn 2013-10T/2023 .....	24
Hình 39: Giá trị xuất khẩu của 10 quốc gia xuất khẩu rau quả nhiều nhất thế giới, 10T/2023 .....	25
Hình 40: Biến động giá trị nhập khẩu rau quả thế giới giai đoạn 2013-10T/2023 .....	25
Hình 41: Top 10 quốc gia nhập khẩu rau quả nhiều nhất thế giới, 10T/2023 .....	26
Hình 42: Giá trị xuất khẩu rau quả của Việt Nam giai đoạn 2014-2023 .....	27
Hình 43. Cơ cấu thị trường xuất khẩu rau quả của Việt Nam năm 2023.....	27
Hình 44: Cơ cấu chủng loại xuất khẩu rau quả của Việt Nam năm 2023.....	28
Hình 45: Giá trị nhập khẩu rau quả của Việt Nam, 2014-2023 .....	28
Hình 46: Cơ cấu thị trường nhập khẩu rau quả của Việt Nam năm 2023.....	29
Hình 47: Cơ cấu mặt hàng rau quả nhập khẩu của Việt Nam năm 2023 .....	29



## I. SẢN XUẤT RAU QUẢ

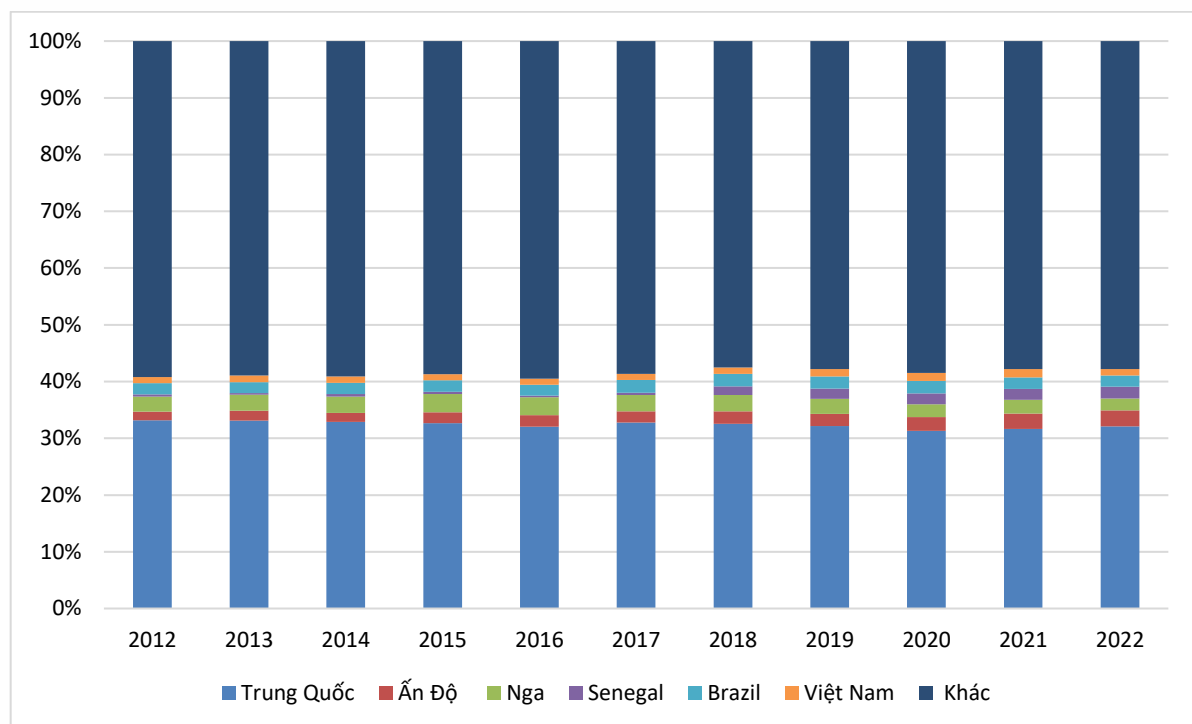
### 1.1. Tình hình sản xuất một số loại rau quả thế giới

#### 1.1.1. Tình hình sản xuất dưa hấu

Diện tích dưa hấu của thế giới trung bình giảm 0,9%/năm trong giai đoạn 2012-2022, từ 4,7 triệu ha năm 2012 giảm xuống còn 4,3 triệu ha năm 2022.

Tính riêng năm 2022, có khoảng 120 nước sản xuất dưa hấu trên thế giới, trong đó Top 5 nước sản xuất dưa hấu nhiều nhất thế giới là Trung Quốc, Ấn Độ, Nga, Senegal và Brazil. Diện tích của 5 nước này luôn chiếm từ 39,4% đến 41,4% tổng diện tích dưa hấu thế giới trong giai đoạn 2012 – 2022. Diện tích dưa hấu của Việt Nam đứng thứ 12 (chiếm từ 1,0%-1,4% thị phần trong giai đoạn này).

**Hình 1: Cơ cấu diện tích sản xuất dưa hấu thế giới, 2012-2022**

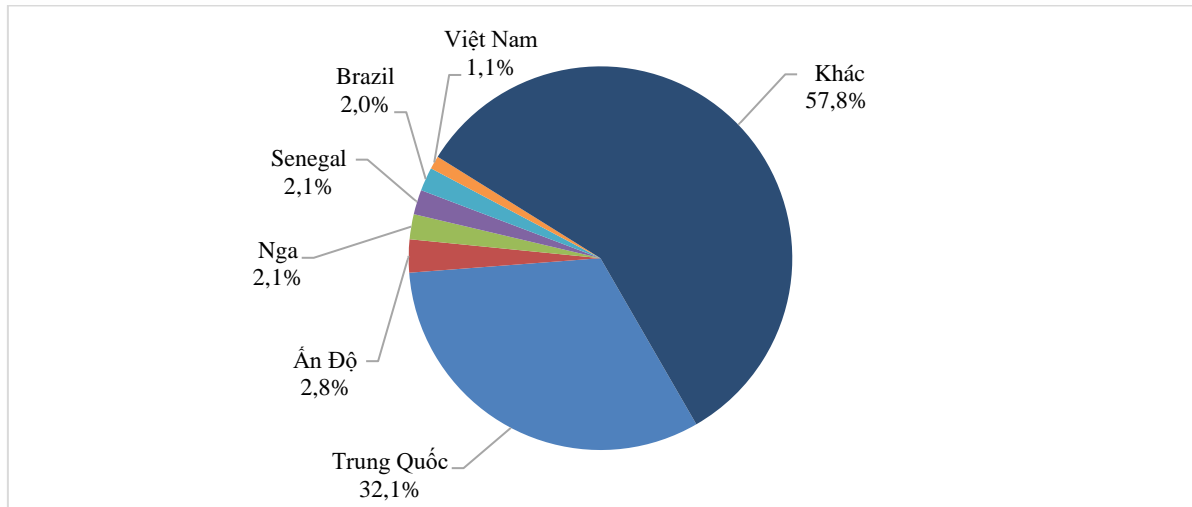


*Nguồn: FAOSTAT*

Diện tích trồng dưa hấu của Top 5 nước trồng nhiều nhất thế giới năm 2022 là Trung Quốc đạt 1,4 triệu ha, chiếm 32,1% diện tích dưa hấu thế giới; Ấn Độ đạt 120,0 nghìn ha, chiếm 2,8%; Nga đạt 91 nghìn ha, chiếm 2,1%; Senegal đạt 89,6 nghìn ha, chiếm 2,1%; Brazil chiếm 2,0% và Việt Nam đứng thứ 12 với 1,1% thị phần.



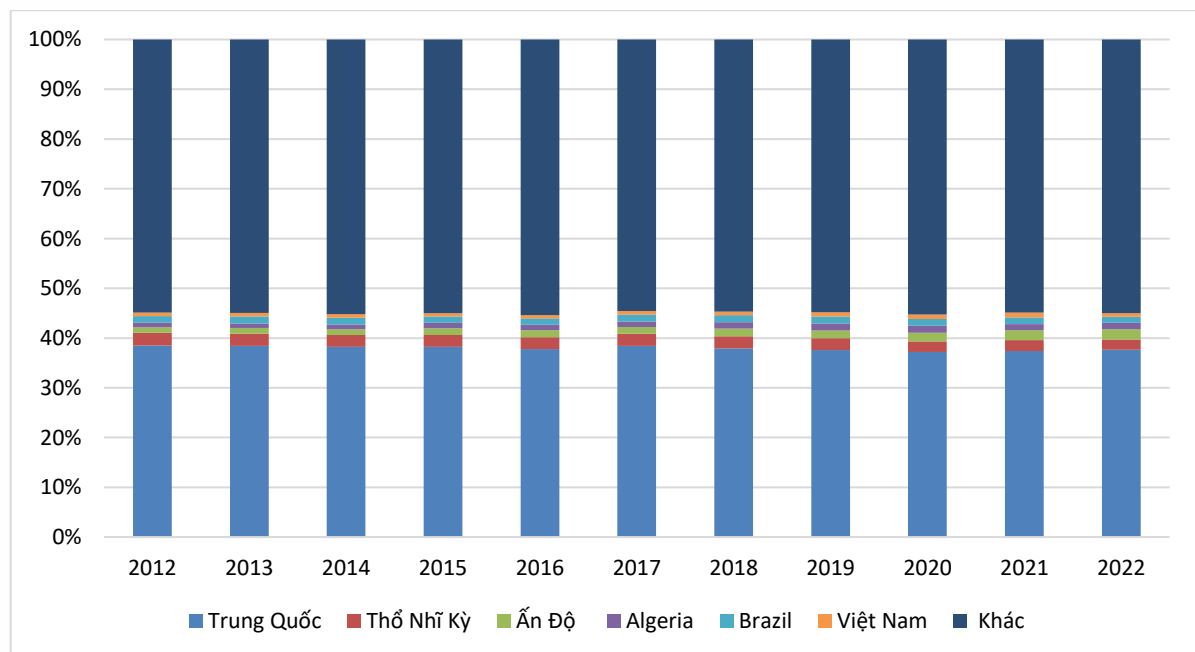
**Hình 2: Cơ cấu diện tích sản xuất dưa hấu thế giới năm 2022**



Nguồn: FAOSTAT

Trong khi đó, sản lượng dưa hấu thế giới tăng trung bình 0,2%/năm trong giai đoạn 2012-2022, từ 156,7 triệu tấn năm 2012 tăng lên 160,5 triệu tấn năm 2022. Top 5 nước có sản lượng dưa hấu lớn nhất thế giới năm 2022 là Trung Quốc, Thổ Nhĩ Kỳ, Ấn Độ, Algeria và Brazil. Sản lượng dưa hấu của 5 nước này luôn chiếm từ 43,8% - 44,8% sản lượng dưa hấu thế giới. Sản lượng dưa hấu của Việt Nam luôn chiếm từ 0,7%-0,9% trong giai đoạn này.

**Hình 3: Cơ cấu sản lượng dưa hấu thế giới, 2012-2022**

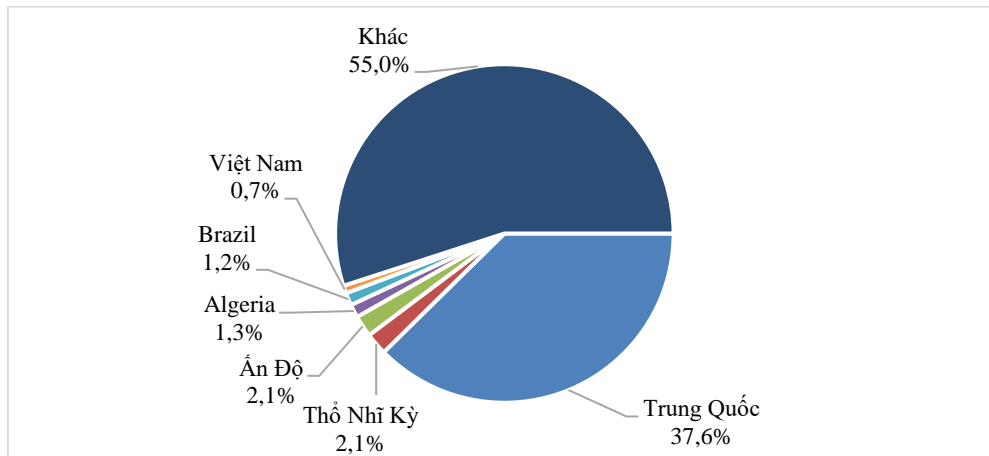


Nguồn: FAOSTAT



Tính riêng năm 2022, sản lượng dưa hấu của Top 5 nước trồng nhiều nhất thế giới là Trung Quốc chiếm 37,6% sản lượng dưa hấu thế giới, Thổ Nhĩ Kỳ chiếm 2,1%, Ấn Độ chiếm 2,1%, Algeria chiếm 1,3%, Brazil chiếm 1,2%, và Việt Nam đứng thứ 12 với 0,7%.

**Hình 4: Cơ cấu sản lượng dưa hấu thế giới năm 2022**

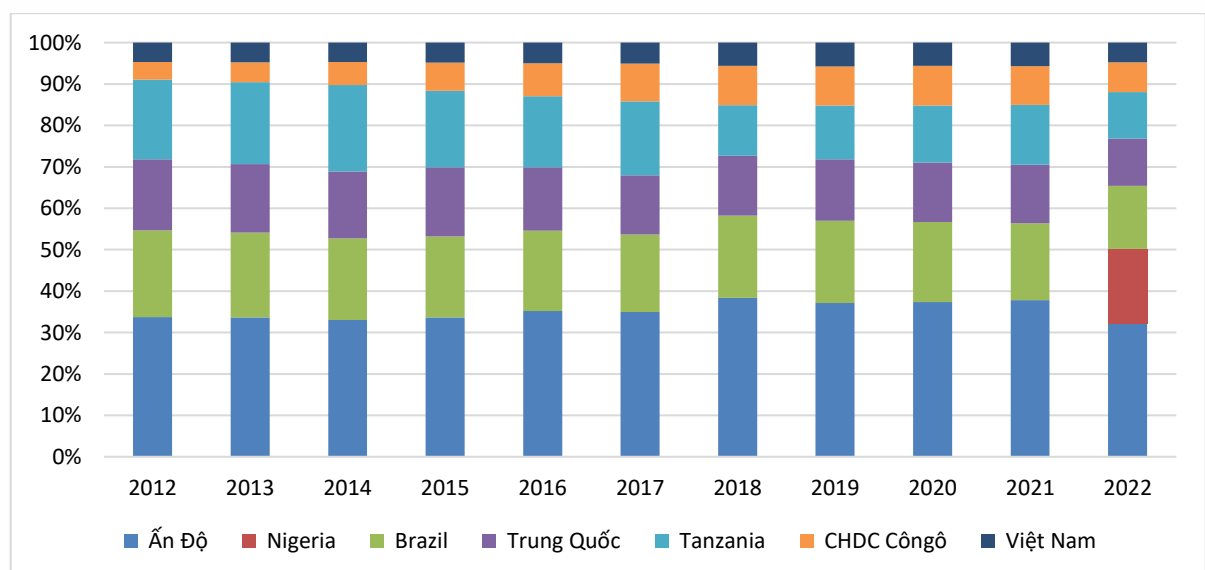


Nguồn: FAOSTAT

### 1.1.2. Tình hình sản xuất chuối

Diện tích chuối thế giới trung bình tăng 0,9%/năm trong giai đoạn 2012-2022, từ 5,7 triệu ha năm 2012 tăng lên 6,3 triệu ha năm 2022. Top 5 quốc gia sản xuất chuối nhiều nhất thế giới bao gồm: Ấn Độ, Nigeria, Brazil, Trung Quốc và Tanzania.

**Hình 5: Cơ cấu diện tích sản xuất chuối thế giới, 2012-2022**

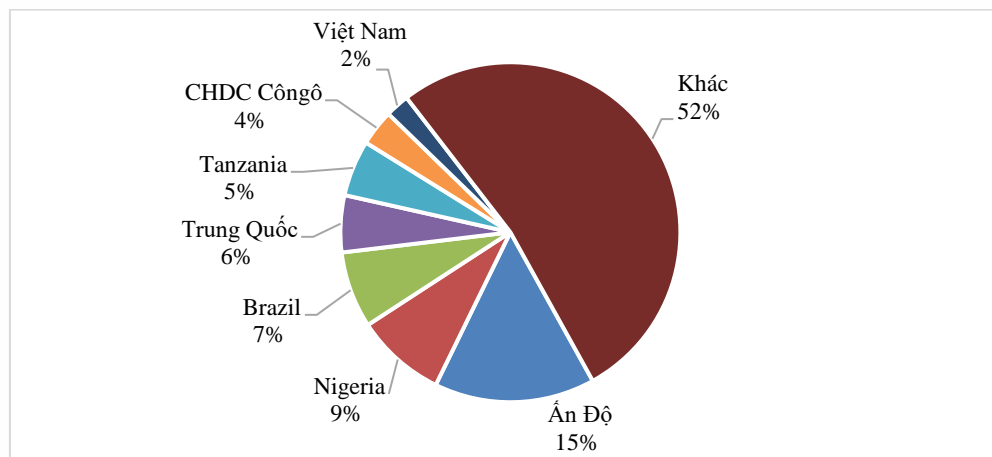


Nguồn: FAOSTAT



Năm 2022, diện tích chuối của Ấn Độ đạt 963 nghìn ha, chiếm 15,3% tổng diện tích chuối thế giới, tiếp đến là Nigeria (đạt 540,4 nghìn ha, chiếm 8,6%), Brazil (đạt 457,9 nghìn ha, chiếm 7,3%), Trung Quốc (đạt 341,3 nghìn ha, chiếm 5,4%), Tanzania (đạt 335,7 nghìn ha, chiếm 5,3%) và Việt Nam đứng thứ 14 (chiếm 2,3%).

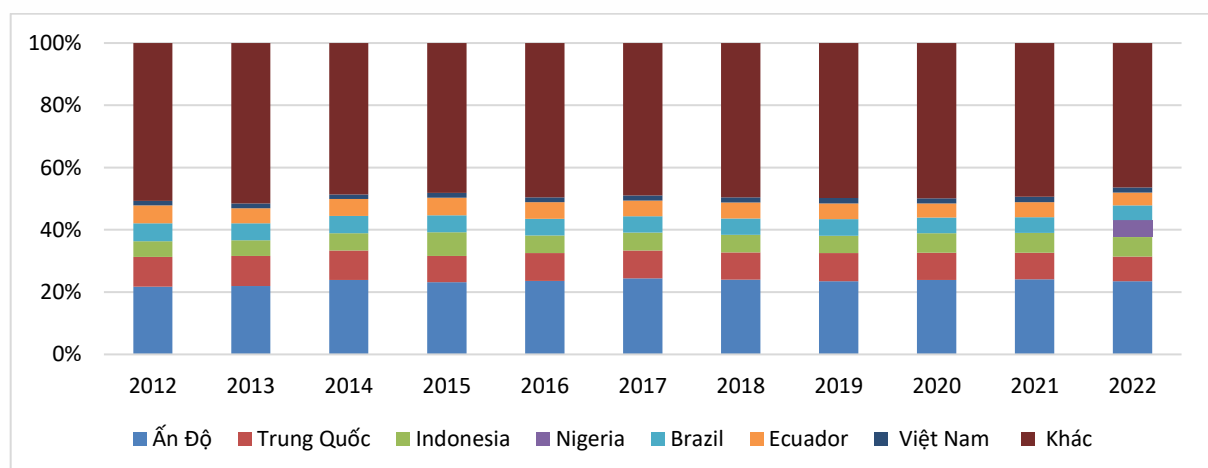
**Hình 6: Cơ cấu diện tích chuối thế giới năm 2022**



*Nguồn: FAOSTAT*

Sản lượng chuối thế giới tăng trung bình 1,9%/năm trong giai đoạn 2012-2022, từ 121,6 triệu tấn năm 2012 tăng lên 147,2 triệu tấn năm 2022. Top 5 nước có sản lượng chuối lớn nhất thế giới là Ấn Độ, Trung Quốc, Indonesia, Nigeria và Brazil.

**Hình 7: Cơ cấu sản lượng chuối thế giới, 2012-2022**



*Nguồn: FAOSTAT*

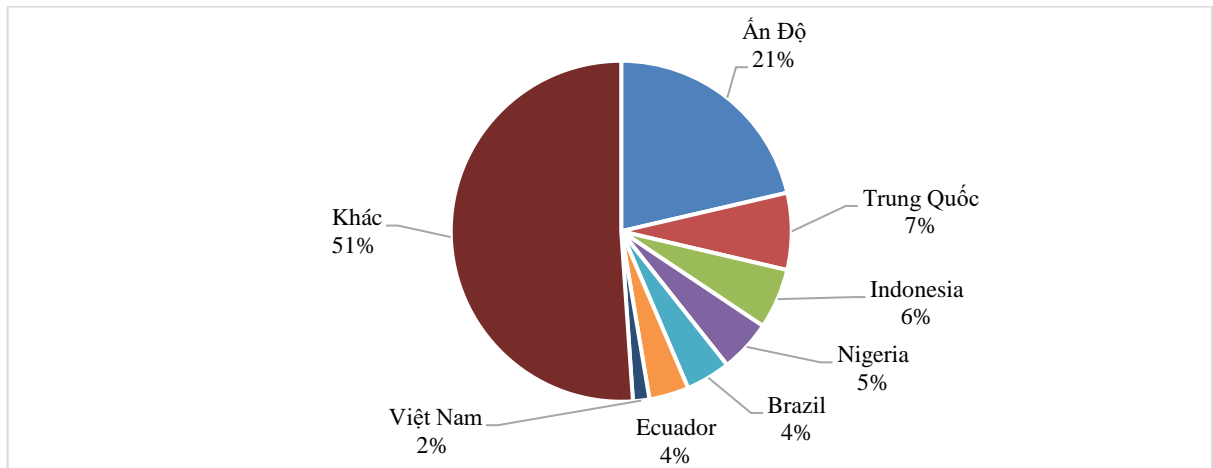
Năm 2022, sản lượng chuối của Ấn Độ đạt 34,5 triệu tấn, chiếm 23,5% tổng sản lượng chuối thế giới, tiếp đến là Trung Quốc đạt 11,8 triệu tấn (chiếm 8,0%), Indonesia





đạt 9,2 triệu tấn (chiếm 6,3%), Nigeria đạt 8,0 triệu tấn (chiếm 5,4%), Brazil (chiếm 4,7%), Ecuador (chiếm 4,1%) và Việt Nam đứng thứ 13 (chiếm 1,7%).

**Hình 8: Cơ cấu sản lượng chuối thế giới năm 2022**



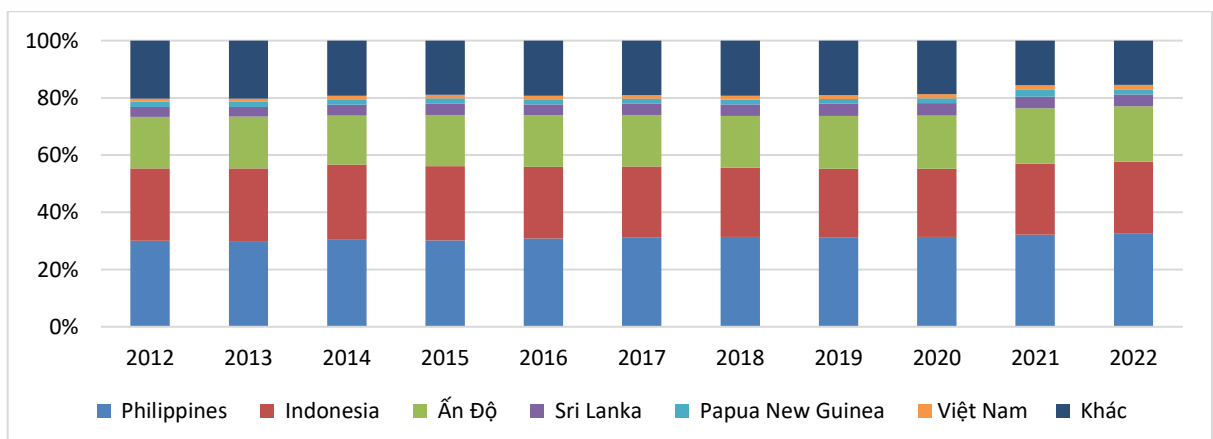
Nguồn: FAOSTAT

### 1.1.3. Tình hình sản xuất dứa

Diện tích dứa thế giới trung bình giảm 0,7%/năm trong giai đoạn 2012-2022, từ 11,9 triệu ha năm 2012 giảm xuống còn 11,1 triệu ha năm 2022.

Năm 2022, trên thế giới có khoảng 85 nước sản xuất dứa, trong đó Top 5 nước sản xuất dứa nhiều nhất là Philippines, Indonesia, Ấn Độ, Sri Lanka và Papua New Guinea. Diện tích trồng dứa của 5 nước này luôn chiếm từ 78,6% đến 83,0% trên tổng diện tích trồng dứa thế giới. Diện tích dứa của Việt Nam luôn chiếm từ 1,1% đến 1,6% tổng diện tích dứa trên thế giới.

**Hình 9: Cơ cấu diện tích sản xuất dứa thế giới, 2012-2022**

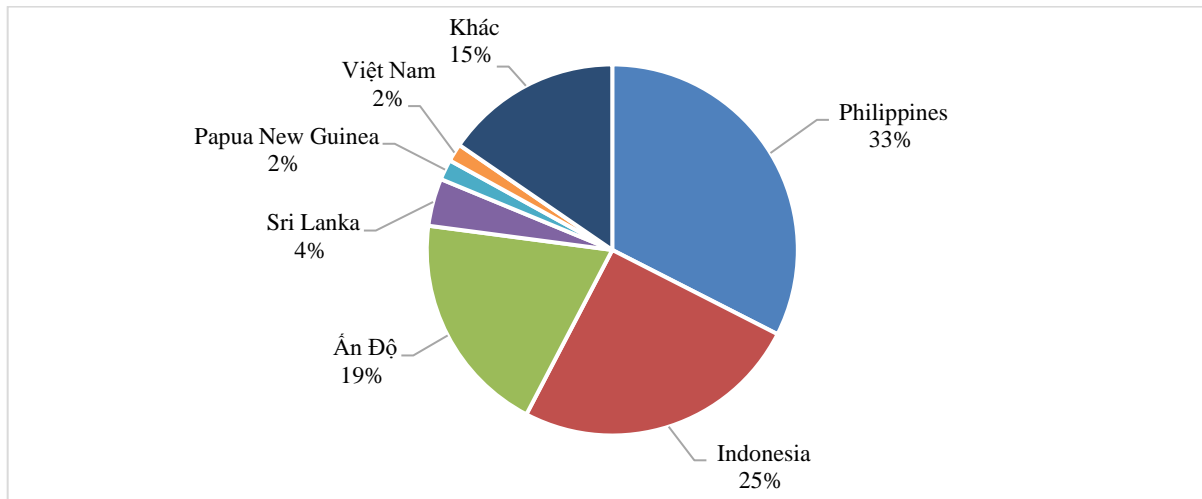


Nguồn: FAOSTAT



Tính riêng năm 2022, diện tích trồng dưa nhiều nhất thế giới là: Philippines đạt 3,6 triệu ha, chiếm 32,5% diện tích dưa thế giới, Indonesia đạt 2,8 triệu USD (chiếm 25,2%), Ấn Độ đạt 2,2 triệu ha (chiếm 19,4%), Sri LanKa (chiếm 4,2%), Papua New Guinea (chiếm 1,8%) và Việt Nam đứng thứ 7 (chiếm 1,6%).

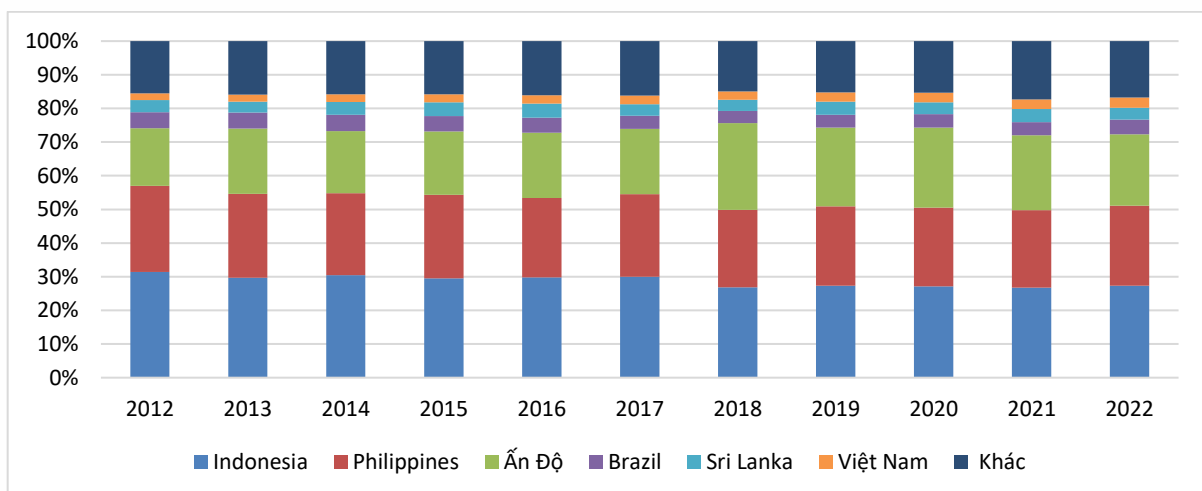
**Hình 10: Cơ cấu diện tích dưa thế giới năm 2022**



*Nguồn: FAOSTAT*

Sản lượng dưa thế giới tăng trung bình 0,2%/năm trong giai đoạn 2012-2022, từ 61,8 triệu tấn năm 2012 tăng lên 62,8 triệu tấn năm 2022. Top 5 nước có sản lượng dưa nhiều nhất thế giới là Indonesia, Philippines, Ấn Độ, Brazil và Sri Lanka. Sản lượng dưa của 5 nước sản xuất lớn nhất thế giới luôn chiếm từ 79,8% đến 82,6% trên tổng sản lượng dưa thế giới. Sản lượng dưa của Việt Nam chiếm từ 2,1% đến 3,1% thị phần.

**Hình 11: Cơ cấu sản lượng dưa thế giới, 2012-2022**

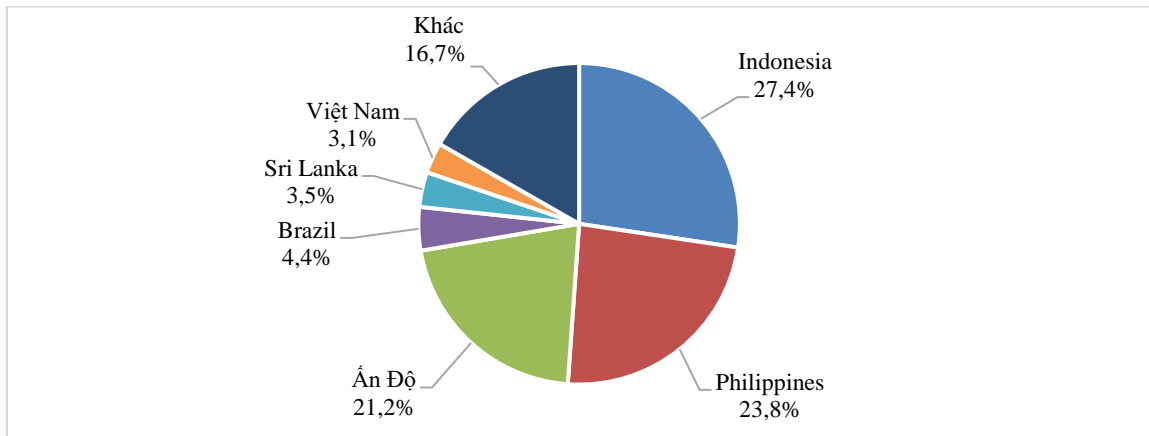


*Nguồn: FAOSTAT*



Tính riêng năm 2022, tỷ trọng sản lượng dứa của các nước nhiều nhất thế giới là: Indonesia chiếm 27,4%; Philippines chiếm 23,8%, Ấn Độ chiếm 21,2%, Brazil chiếm 4,4%, Sri Lanka chiếm 3,5%. Sản lượng dứa của Việt Nam nhiều thứ 6 trên thế giới (chiếm 3,1%).

**Hình 12: Cơ cấu sản lượng dứa thế giới năm 2022**

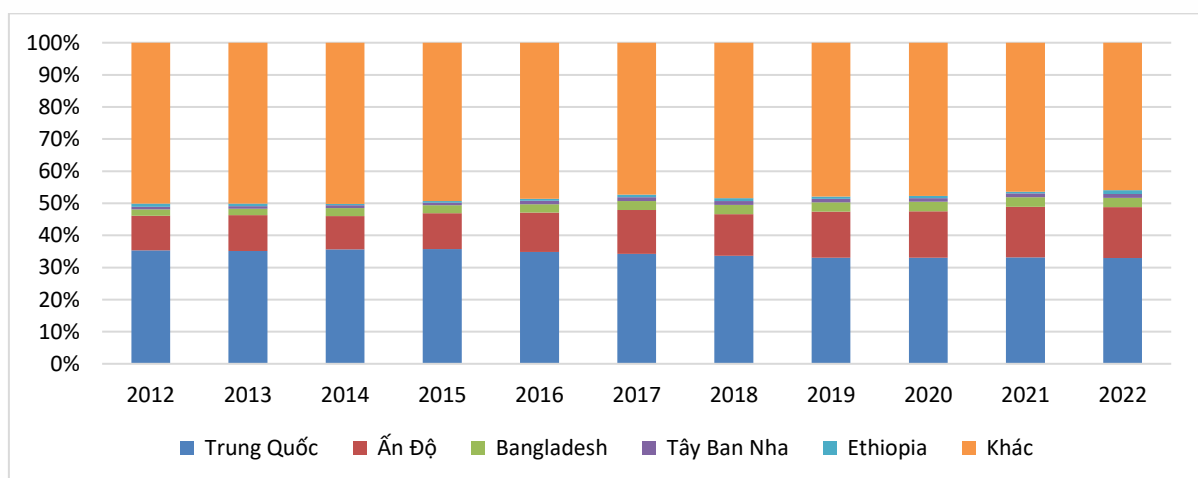


*Nguồn: FAOSTAT*

### 1.1.4. Tình hình sản xuất tỏi

Hiện có trên 100 quốc gia và vùng lãnh thổ sản xuất tỏi. Diện tích tỏi thế giới tăng trung bình 1,0%/năm trong giai đoạn 2012-2022, từ 2,2 triệu ha năm 2012 tăng lên 2,5 triệu ha năm 2022. Trong đó, Top 5 quốc gia sản xuất tỏi lớn nhất trên thế giới hiện nay là Trung Quốc, Ấn Độ, Bangladesh, Tây Ban Nha và Ethiopia. Năm quốc gia này luôn chiếm từ 49,8% đến 54,0% tổng diện tích trồng tỏi trên thế giới trong giai đoạn này.

**Hình 13: Cơ cấu diện tích tỏi thế giới, 2012-2022**

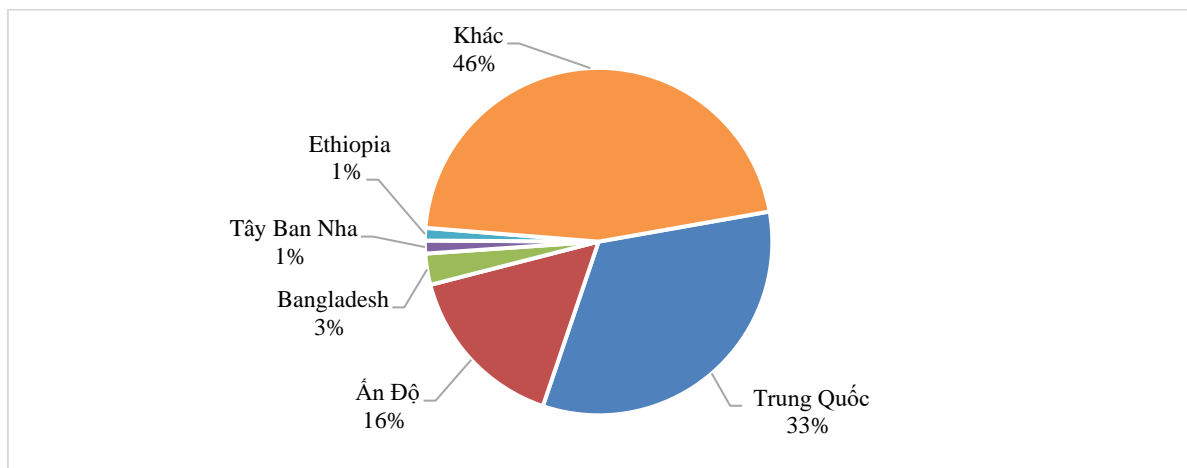


*Nguồn: FAOSTAT*



Tính riêng năm 2022, diện tích tỏi của Trung Quốc đạt 820,5 nghìn ha, chiếm 33,0% tổng diện tích tỏi thế giới; tiếp đến là Ấn Độ đạt 393,0 nghìn ha (chiếm 15,8%), Bangladesh đạt 72,2 nghìn ha (chiếm 2,9%); Tây Ban Nha đạt 29,8 nghìn ha (chiếm 1,2%); Ethiopia đạt 29,1 (chiếm 1,2%).

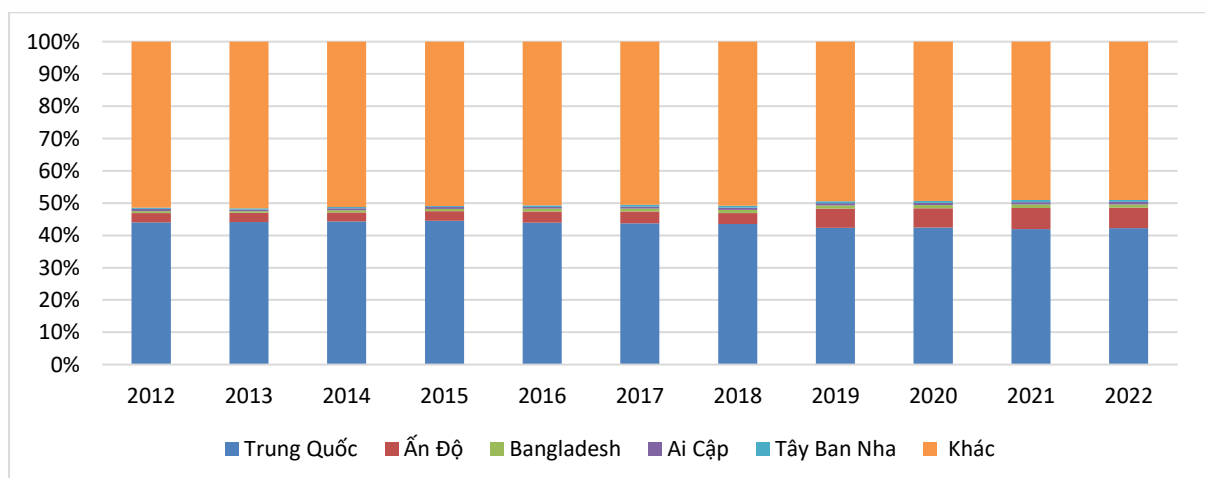
**Hình 14: Cơ cấu diện tích sản xuất tỏi thế giới năm 2022**



*Nguồn: FAOSTAT*

Sản lượng tỏi thế giới tăng trung bình 1,9%/năm trong giai đoạn 2012-2022, từ 41,9 triệu tấn năm 2012 tăng lên 50,5 triệu tấn năm 2022. Top 5 quốc gia có sản lượng tỏi lớn nhất thế giới là Trung Quốc, Ấn Độ, Bangladesh, Ai Cập và Tây Ban Nha. Sản lượng tỏi của 5 quốc gia này luôn chiếm từ 48,4% đến 51,0% tổng sản lượng tỏi của thế giới trong giai đoạn này. Trong đó, Trung Quốc là quốc gia có sản lượng tỏi lớn nhất, chiếm 42,0% đến 44,5% tổng sản lượng toàn thế giới.

**Hình 15: Cơ cấu sản lượng tỏi thế giới, 2012-2022**

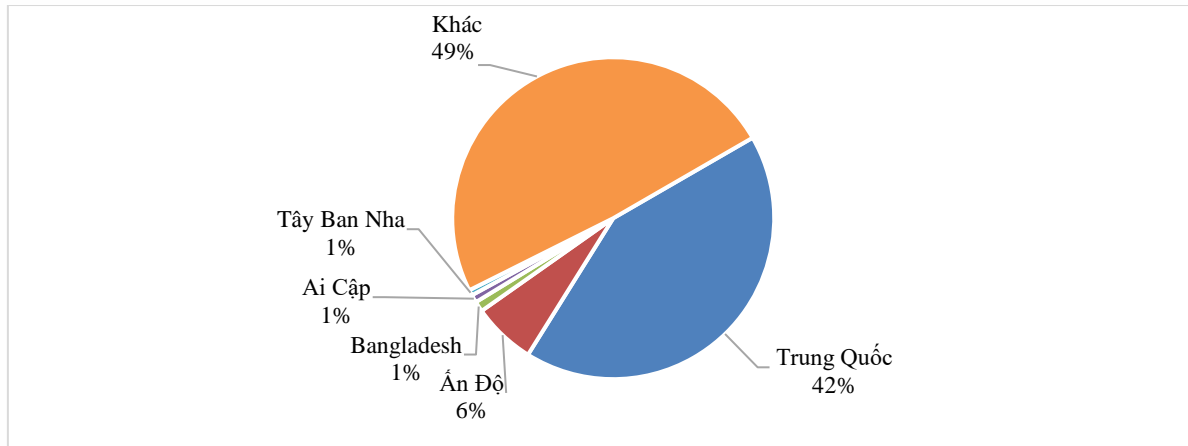


*Nguồn: FAOSTAT*



Tính riêng năm 2022, sản lượng tỏi của Trung Quốc chiếm 42,2% tổng sản lượng tỏi thế giới, tiếp đến là Ấn Độ (chiếm 6,3%), Bangladesh (chiếm 1,0%), Ai Cập (chiếm 0,8%), Tây Ban Nha (chiếm 0,6%).

**Hình 16: Cơ cấu sản lượng tỏi thế giới năm 2022**

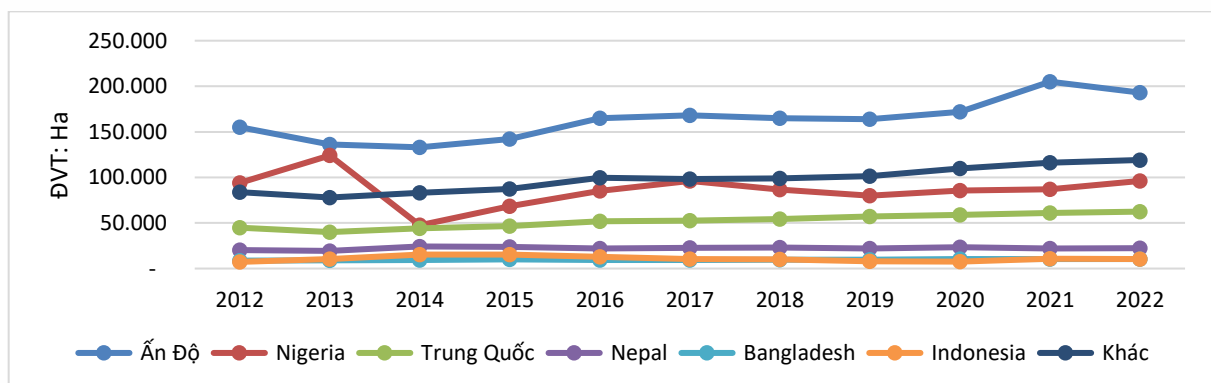


Nguồn: FAOSTAT

### 1.1.5. Tình hình sản xuất gừng

Ấn Độ là quốc gia sản xuất nhiều gừng nhất trên thế giới, diện tích trồng gừng tăng trung bình 2,2%/năm, từ 155,0 nghìn ha năm 2012 tăng lên 194 nghìn ha năm 2022. Tiếp đến là Nigeria (tăng trưởng trung bình đạt 0,2%/năm, từ 94 nghìn ha tăng lên 96 nghìn ha); Trung Quốc (tăng trưởng trung bình đạt 3,3%/năm, từ 45.000 ha tăng lên 62.458 ha); Nepal (tăng trưởng trung bình đạt 1,0%/năm, từ 20.256 ha tăng lên 22.441 ha); Bangladesh (tăng trưởng trung bình đạt 1,8%/năm, từ 8.704 ha tăng lên 10.429 ha); Indonesia (tăng trưởng trung bình đạt 3,6%/năm, từ 7.316 ha tăng lên 10.409 ha ); v.v.

**Hình 17: Biến động diện tích sản xuất gừng một số nước trên thế giới, 2012-2022**

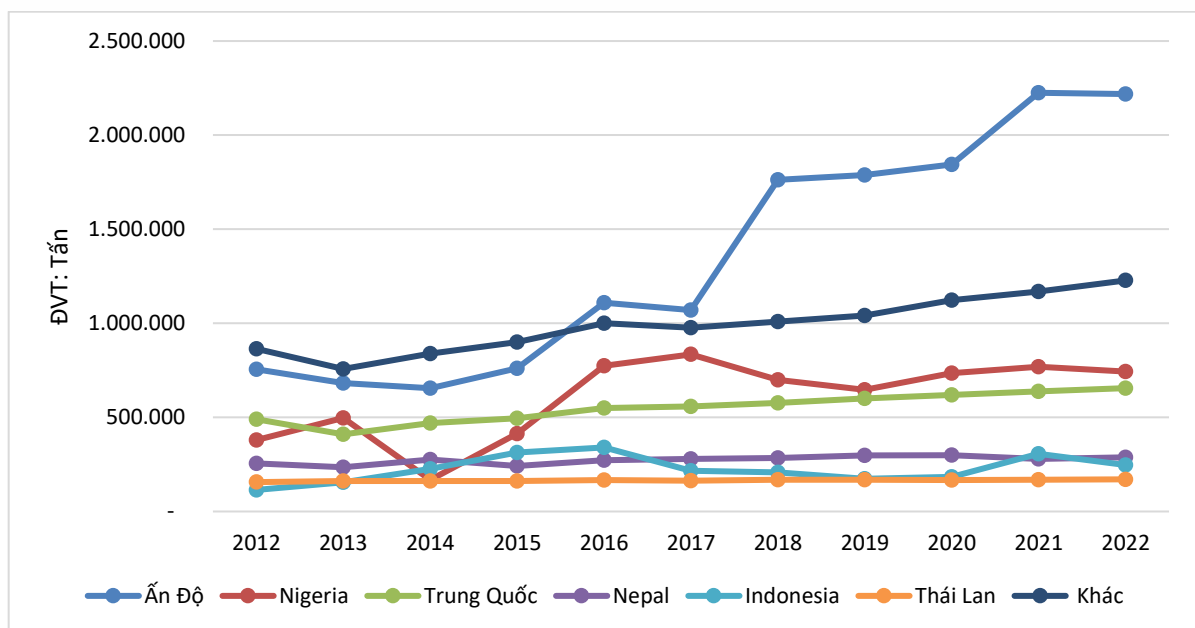


Nguồn: FAOSTAT



Ấn Độ cũng là quốc gia có sản lượng gừng nhiều nhất trên thế giới, sản lượng gừng tăng trung bình 11,4%/năm, từ 756.000 tấn năm 2012 tăng lên 2,2 triệu tấn năm 2022. Tiếp đến là Nigeria (tăng trưởng trung bình đạt 6,9%/năm, từ 380.000 tấn tăng lên 743.527 tấn); Trung Quốc (tăng trưởng trung bình đạt 3,0%/năm, từ 490.000 tấn tăng lên 655.452 tấn); Nepal (tăng trưởng trung bình đạt 1,2%/năm, từ 255.208 tấn tăng lên 287.813 tấn); Indonesia (tăng trưởng trung bình đạt 8,0%/năm, từ 114.538 tấn tăng lên 247.455 tấn); Thái Lan (tăng trưởng trung bình tăng 0,9%/năm, từ 156.068 tấn tăng lên còn 170.887 tấn ); v.v.

**Hình 18: Biến động sản lượng gừng một số nước trên thế giới, 2012-2022**



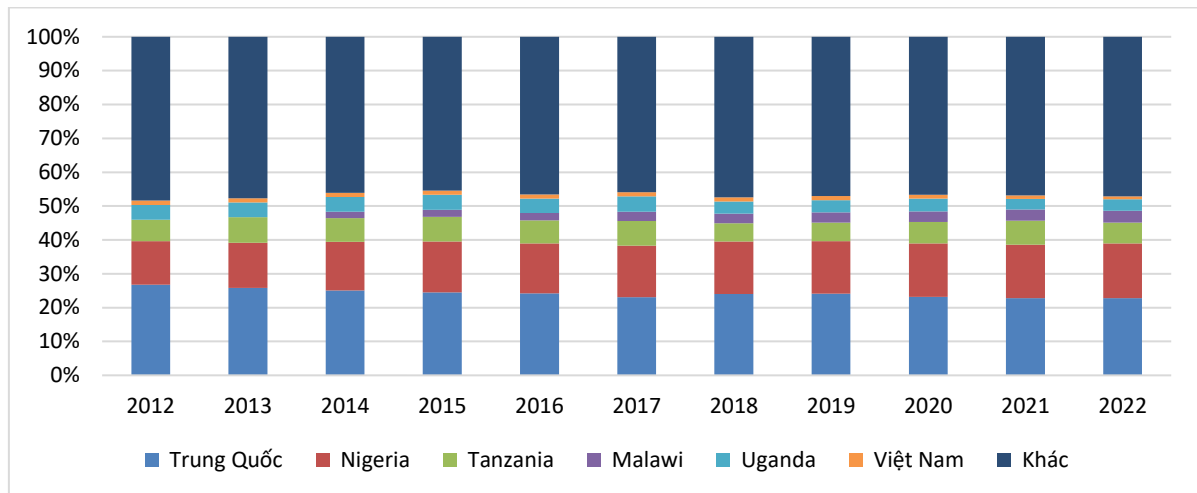
Nguồn: FAOSTAT

### 1.1.6. Tình hình sản xuất khoai lang

Diện tích khoai lang thế giới trung bình giảm 1,0%/năm trong giai đoạn 2012-2022, từ 10,4 triệu ha năm 2012 giảm xuống 9,41 triệu ha năm 2022. Trên thế giới hiện có khoảng 110 quốc gia và vùng lãnh thổ có diện tích trồng khoai lang. Trong đó, Top 5 quốc gia sản xuất khoai lang lớn nhất trên thế giới là Trung Quốc, Nigeria, Tanzania, Malawi và Uganda. Diện tích trồng khoai lang của năm quốc gia này luôn chiếm từ 50,3% đến 53,3% tổng diện tích trồng khoai lang trên thế giới trong giai đoạn này.



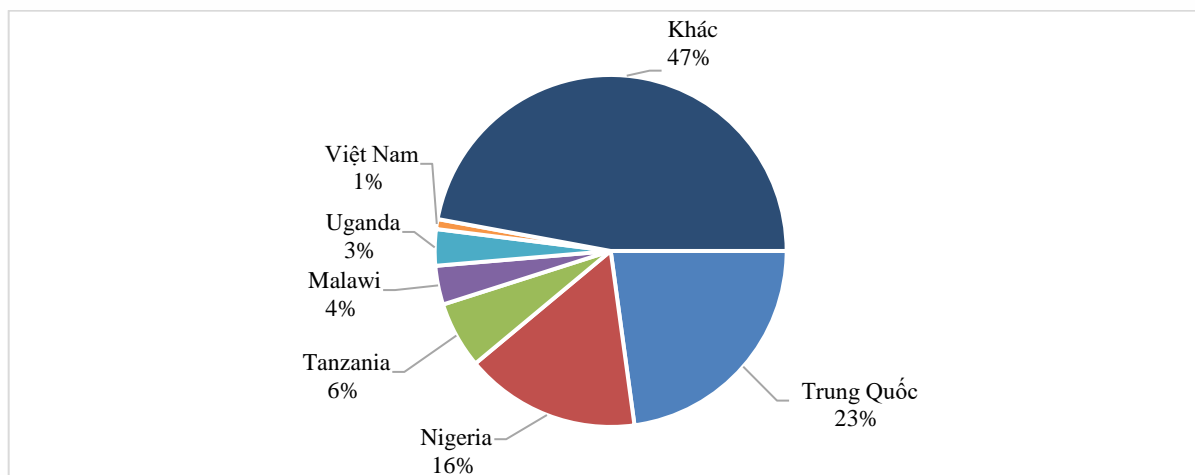
### Hình 19: Cơ cấu diện tích khoai lang thế giới, 2012-2022



Nguồn: FAOSTAT

Tính riêng năm 2022, diện tích khoai lang của Trung Quốc đạt 2,15 triệu hecta, chiếm 22,8% tổng diện tích khoai lang thế giới; tiếp đến là Nigeria (đạt 1,5 triệu hecta, chiếm 16,1%); Tanzania (đạt 576,2 nghìn ha, chiếm 6,1%); Malawi (đạt 335,8 nghìn ha, chiếm 3,6%); Uganda (đạt 314,3 nghìn, chiếm 3,3%). Diện tích trồng khoai lang của Việt Nam đứng thứ 13 thế giới, chiếm khoảng 0,9%.

### Hình 20: Cơ cấu diện tích khoai lang thế giới năm 2022



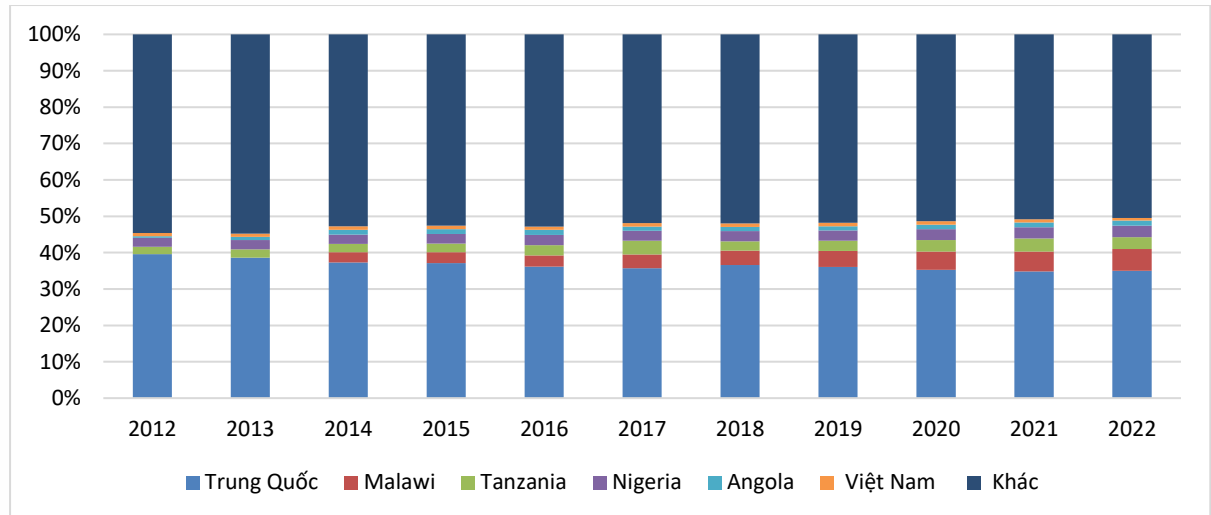
Nguồn: FAOSTAT

Sản lượng khoai lang thế giới trung bình giảm 1,2%/năm trong giai đoạn 2012-2022, từ 150,9 triệu tấn năm 2012 giảm xuống còn 133,2 triệu tấn năm 2022. Top 5 quốc gia có sản lượng khoai lang lớn nhất thế giới là Trung Quốc, Malawi, Tanzania, Nigeria và Angola. Sản lượng khoai lang của 5 quốc gia này luôn chiếm từ 44,3% đến



48,8% tổng sản lượng khoai lang của thế giới trong giai đoạn này. Trong đó, Trung Quốc là quốc gia có sản lượng khoai lang lớn nhất, chiếm 34,8% - 39,6% tổng sản lượng toàn thế giới.

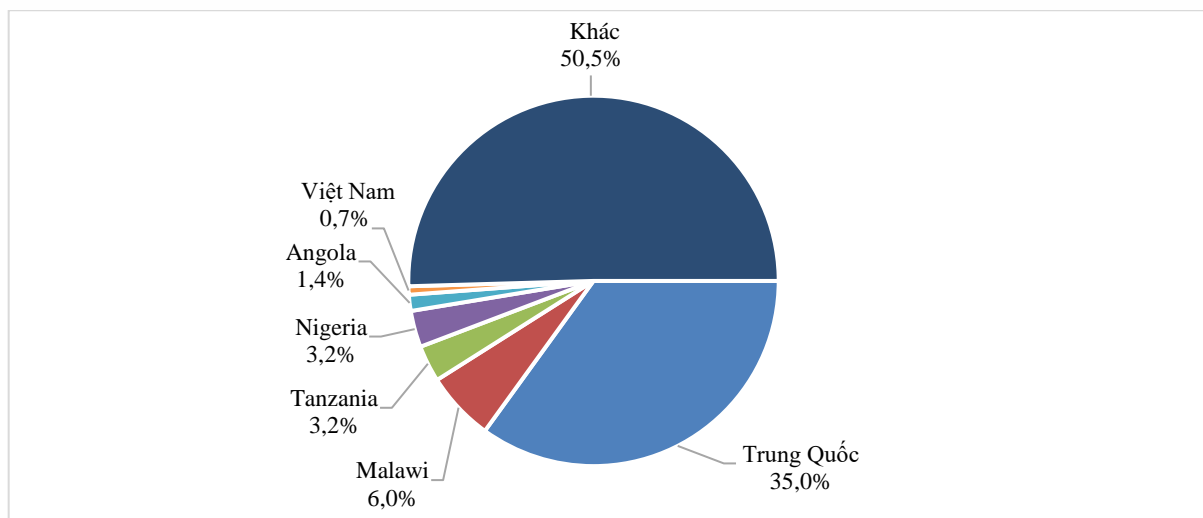
**Hình 21: Cơ cấu sản lượng khoai lang thế giới, 2012-2022**



Nguồn: FAOSTAT

Tính riêng năm 2022, sản lượng khoai lang của Trung Quốc đạt 46,6 triệu tấn, chiếm 35,0% tổng sản lượng khoai lang thế giới; tiếp đến là Malawi đạt 8,1 triệu tấn (chiếm 6,0%); Tanzania đạt 4,3 triệu tấn (chiếm 3,2%); Nigeria đạt 4,2 triệu tấn (chiếm 3,2%); Angola đạt 1,9 triệu tấn (chiếm 1,4%). Sản lượng khoai lang của Việt Nam đứng thứ 12 thế giới, chiếm 0,7%.

**Hình 22: Cơ cấu sản lượng khoai lang thế giới năm 2022**



Nguồn: FAOSTAT





## 1.2. Tình hình sản xuất rau quả Việt Nam

### 1.2.1. Tình hình sản xuất chung

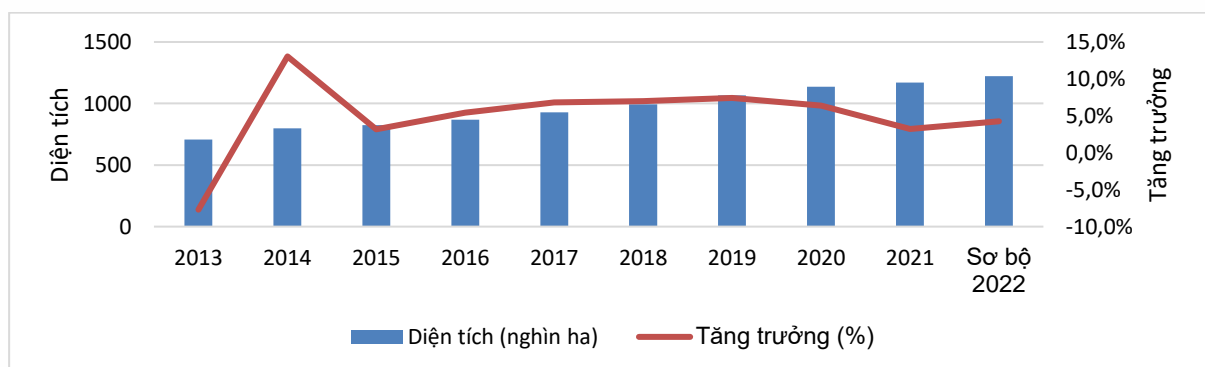
Theo báo cáo của Cục Trồng trọt - Bộ Nông nghiệp và PTNT, năm 2023, diện tích rau, đậu các loại ước đạt trên 1,12 triệu ha, sản lượng ước đạt 19,2 triệu tấn, tăng 3,0% so với năm trước. Diện tích cây ăn quả đạt 1.250 nghìn ha, tăng 28,6 nghìn ha, tăng 2,3% so với cùng kỳ năm 2022.

Diện tích hiện có một số sản phẩm chủ yếu như: xoài đạt 117,0 nghìn ha, tăng 1,12%; chuối 159 nghìn ha, tăng 1,12%; thanh long 52,8 nghìn ha, giảm 3,6%; sầu riêng đạt 149,0 nghìn ha, tăng 32%; mít đạt 83,0 nghìn ha, tăng 2,9%; cam 85 nghìn ha giảm 6,3%; bưởi 108,0 nghìn ha, giảm 1,8%; điều 314,3 nghìn ha, giảm 2,4%; hồ tiêu 112,3 nghìn ha giảm 6,1%; cao su đạt 910,2 nghìn ha, giảm 0,9%; cà phê đạt 715,3 nghìn ha, tăng 0,8%; chè búp đạt 123,2 nghìn ha, tăng 0,6%.

+ Sản lượng một số sản phẩm chủ yếu như: xoài đạt 1.015 nghìn tấn, tăng 2,0% so với năm 2022; chuối đạt 2.535 nghìn tấn, tăng 1,07%; thanh long đạt 1.200 nghìn tấn, giảm 6,6%; sầu riêng đạt 1.200 nghìn tấn, tăng 39%; mít đạt 938,0 nghìn tấn, tăng 3,4%; cam đạt 1.700 nghìn tấn, giảm 5,7%; bưởi đạt 1.105 nghìn tấn, giảm 3,1%; điều đạt 345,2 nghìn tấn, tăng 1,02%; hồ tiêu đạt 257,7 nghìn tấn, giảm 5,3%; cao su đạt 1293,3 nghìn tấn, giảm 3,4%; cà phê đạt 1893,3 nghìn tấn, giảm 3,1%; chè búp đạt 1.094,1 nghìn tấn, giảm 0,6%.

Diện tích cây ăn quả cả nước và các vùng, miền nhìn chung có xu hướng liên tục tăng trong những năm gần đây. Theo Tổng cục Thống kê, diện tích trồng cây ăn quả năm 2022 đạt 1,22 triệu ha, tăng 4,3% so với năm 2021. Giai đoạn 2013-2022, tốc độ tăng trưởng hàng năm kép diện tích trồng cây ăn quả đạt 6,2%/năm.

**Hình 23: Diện tích trồng trái cây của Việt Nam, 2013 - 2022**



Nguồn: Tổng cục Thống kê

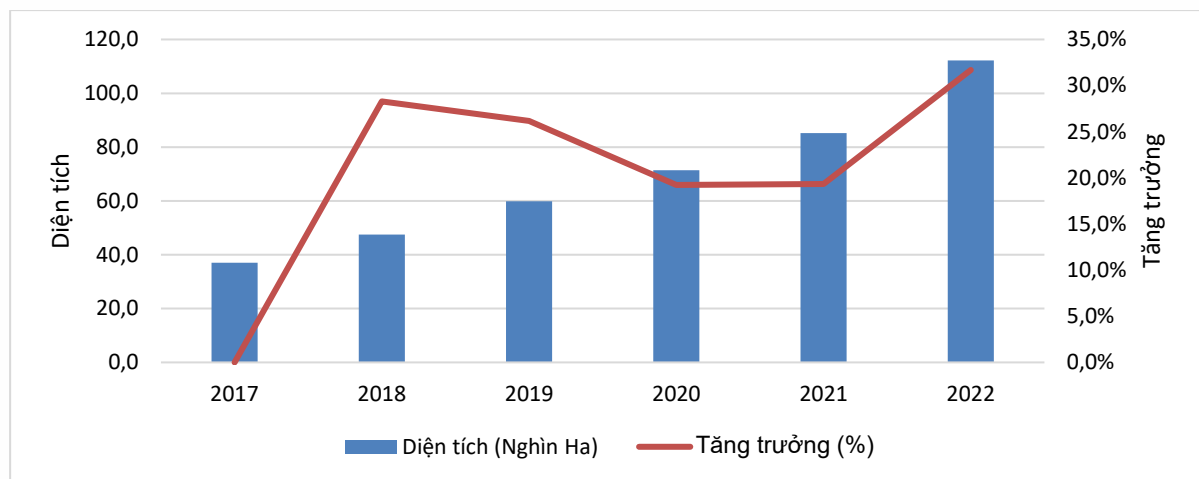


### 1.2.2. Tình hình sản xuất một số cây trồng chính

#### (i) Sản xuất sầu riêng

Diện tích sầu riêng của Việt Nam tăng trưởng mạnh trong những năm gần đây, tốc độ tăng trưởng hàng năm kép đạt 24,8%/năm trong giai đoạn 2017-2022, từ 37,0 nghìn ha năm 2017 tăng lên 112,3 nghìn ha năm 2022.

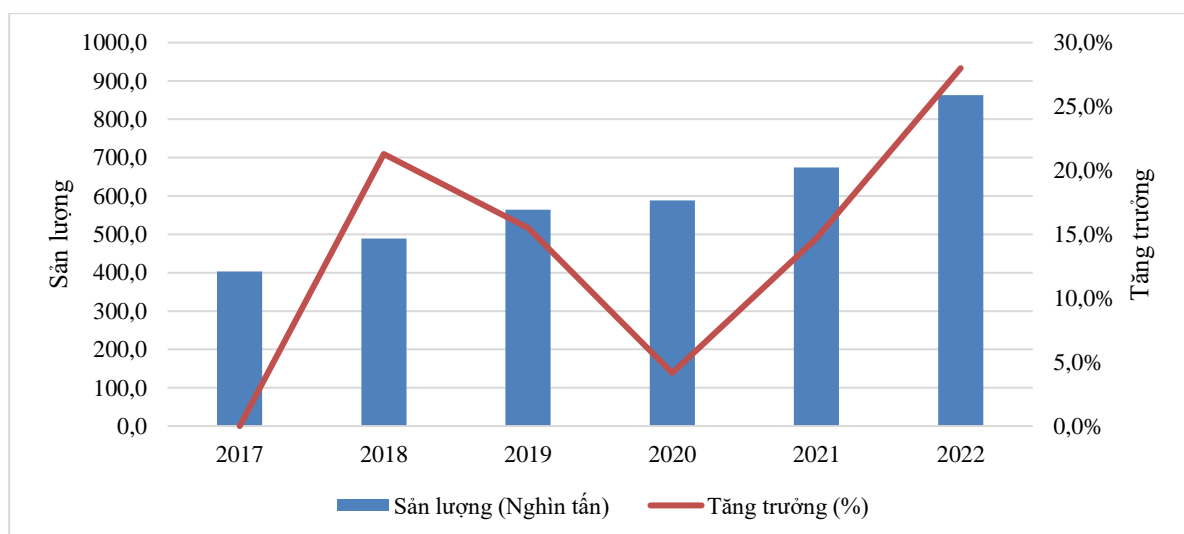
**Hình 24: Diện tích sầu riêng Việt Nam giai đoạn 2017-2022**



*Nguồn: Bộ Nông nghiệp và PTNT*

Sản lượng sầu riêng cả nước cũng tăng trưởng mạnh trong những năm gần đây, tốc độ tăng trưởng hàng năm kép đạt 16,5%/năm, từ 403 nghìn tấn năm 2017 tăng lên 863,3 nghìn tấn năm 2022.

**Hình 25: Sản lượng sầu riêng Việt Nam giai đoạn 2017-2022**



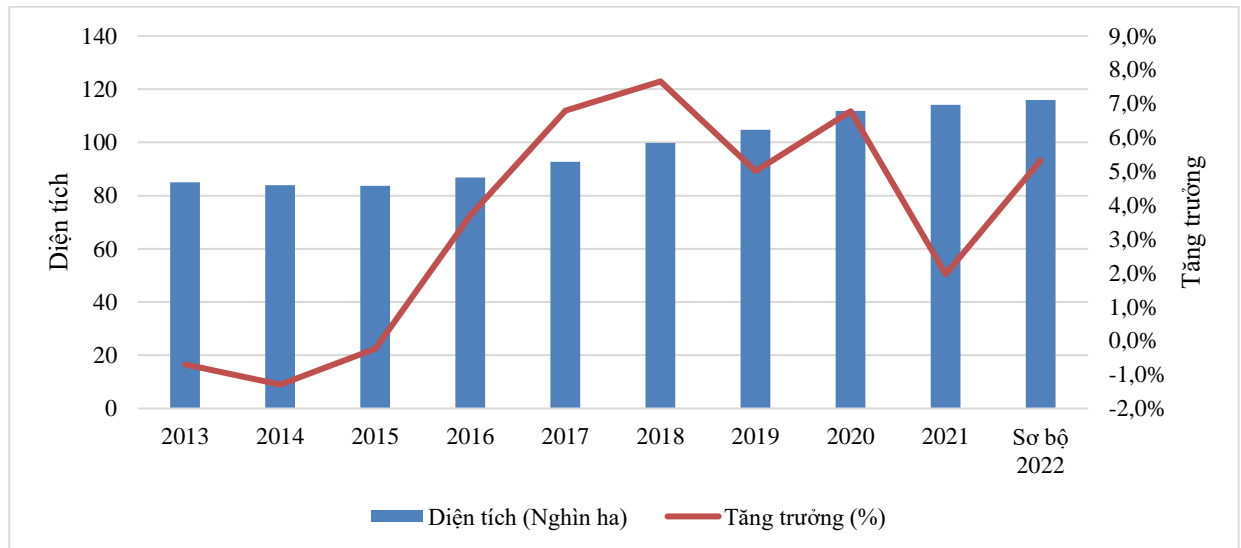
*Nguồn: Bộ Nông nghiệp và PTNT*



### (ii). Sản xuất xoài

Diện tích xoài có xu hướng tăng trưởng tích cực trong nhiều năm qua, nếu năm 2013, diện tích xoài mới đạt khoảng 85 nghìn ha, thì đến năm 2022 diện tích đã đạt 115,9%. Tốc độ tăng trưởng hàng năm kép đạt 3,5%/năm trong giai đoạn 2013-2022.

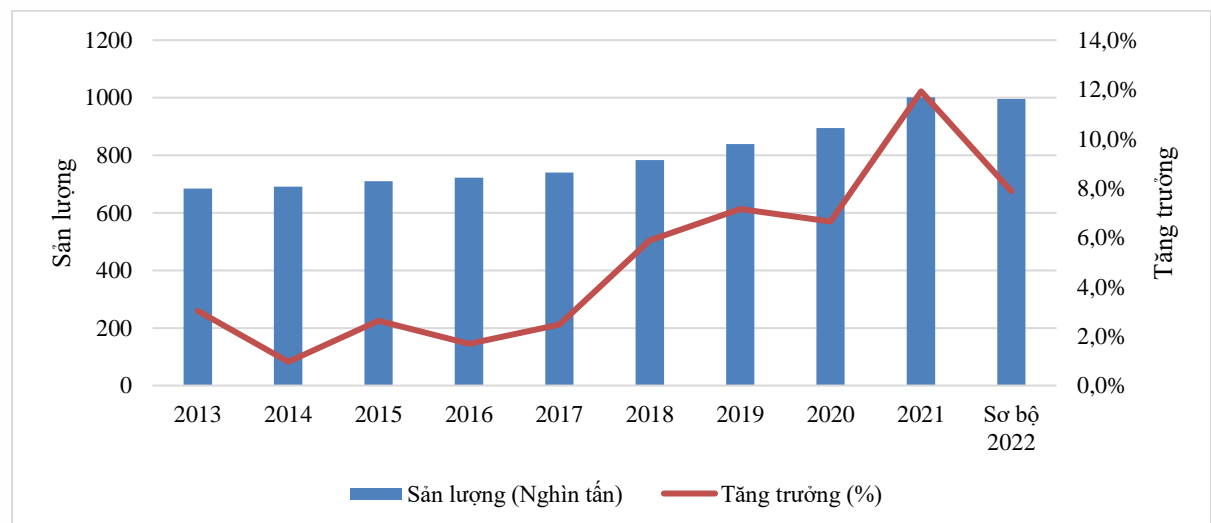
**Hình 26: Diện tích xoài Việt Nam giai đoạn 2013 - 2022**



*Nguồn: Tổng cục Thống kê*

Nhờ các tiến bộ trong sản xuất, sản lượng xoài tăng khá đều qua các năm trong giai đoạn 2012-2022, trung bình đạt 4,2%/năm, từ 684,9 nghìn tấn năm 2013 tăng lên 996 nghìn tấn năm 2022.

**Hình 27: Sản lượng xoài Việt Nam giai đoạn 2013 - 2022**



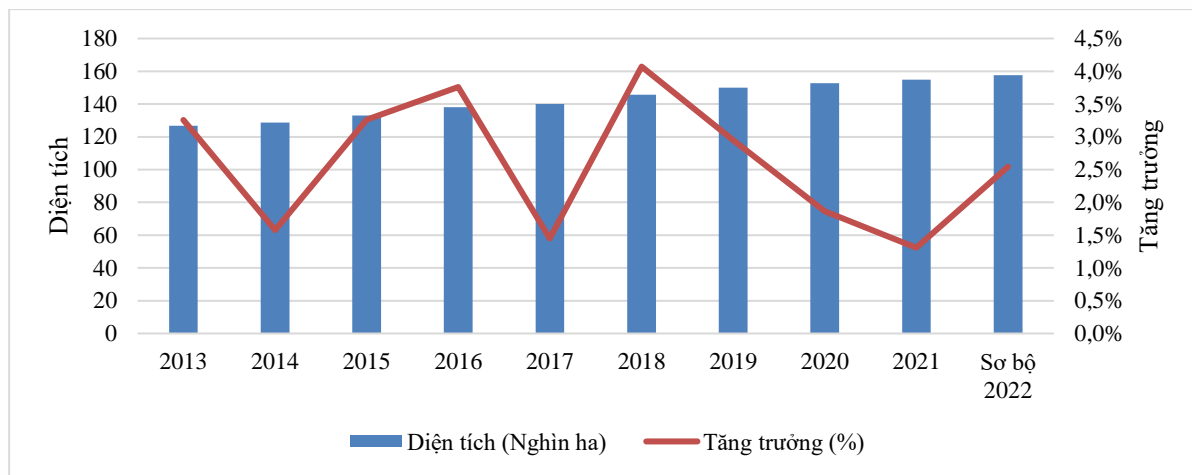
*Nguồn: Tổng cục Thống kê*



### (ii). Sản xuất chuối

Chuối là một trong những cây ăn quả phổ biến nhất, dễ trồng, dễ tiêu thụ, có giá trị kinh tế cao và tiềm năng xuất khẩu lớn của Việt Nam. Nhờ cho lợi nhuận cao nên diện tích cây trồng này không ngừng tăng nhanh trong những năm qua. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tốc độ tăng trưởng hàng năm kép diện tích trồng chuối cả nước trung bình đạt 2,4%/năm trong giai đoạn 2013-2022, từ 126,8 nghìn ha năm 2013 tăng lên 157,6 nghìn ha năm 2022.

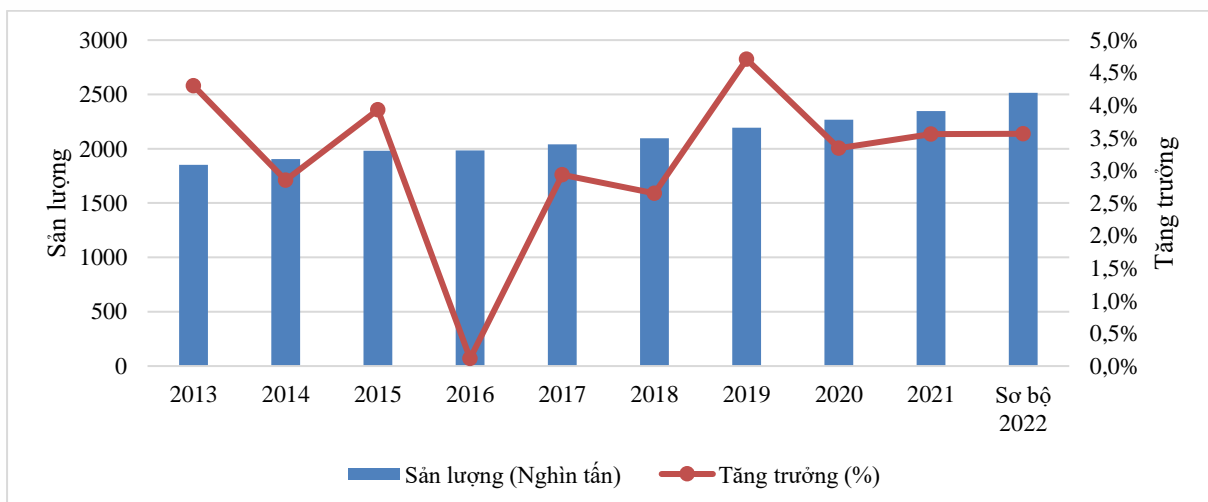
**Hình 28: Diện tích chuối Việt Nam giai đoạn 2013 - 2022**



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Sản lượng chuối cả nước tăng trung bình 3,4%/năm trong giai đoạn 2013-2022, từ 1.853,3 nghìn tấn năm 2013 tăng lên 2.514,8 nghìn tấn năm 2022.

**Hình 29: Sản lượng chuối Việt Nam giai đoạn 2013 - 2022**



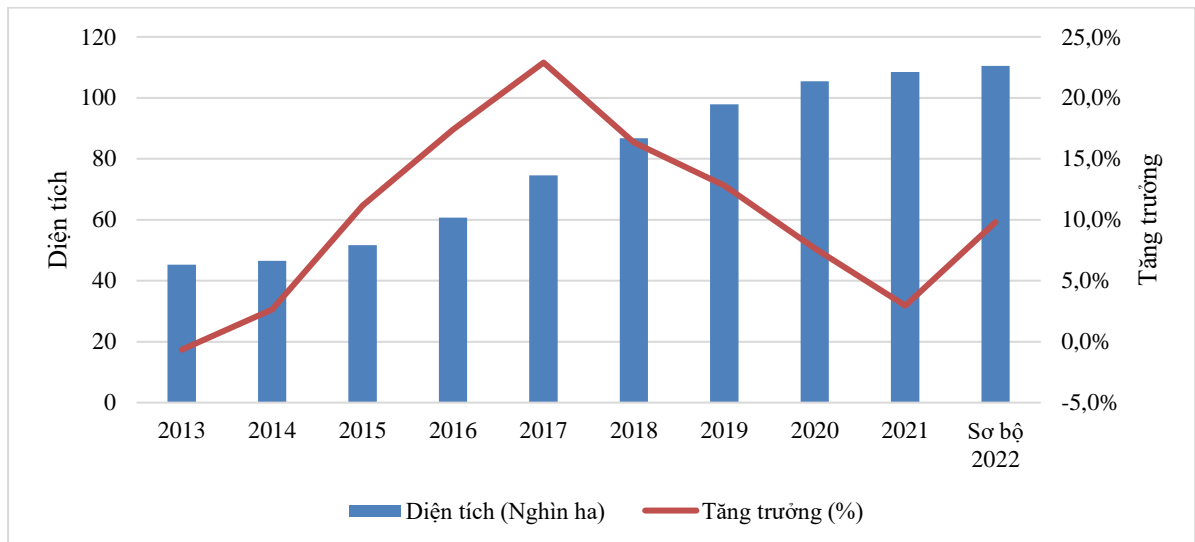
Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam



### (iii) Tình hình sản xuất bưởi

Diện tích bưởi cả nước phát triển mạnh trong những năm gần đây, trung bình đạt 10,4%/năm trong giai đoạn 2013-2022, từ 45,3 nghìn ha năm 2013 tăng lên 110,5 nghìn ha năm 2022.

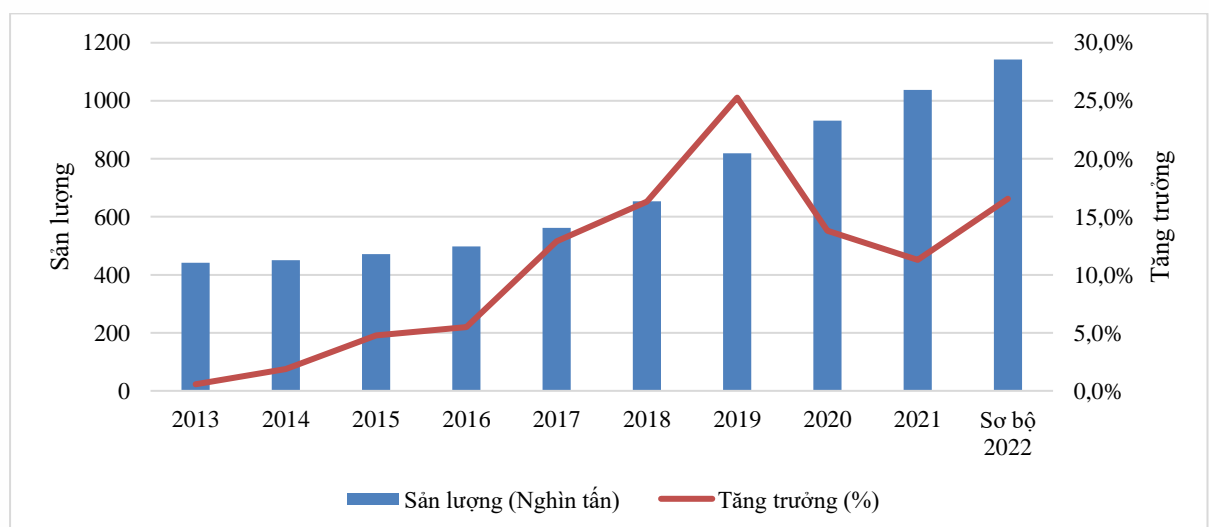
**Hình 30: Diện tích bưởi Việt Nam giai đoạn 2013 - 2022**



*Nguồn: Niên giám thống kê*

Sản lượng bưởi cả nước phát triển mạnh, trung bình đạt 11,1%/năm trong giai đoạn 2013-2022, từ 442,1 nghìn tấn năm 2013 tăng lên 1.142,6 nghìn ha năm 2022.

**Hình 31: Sản lượng bưởi Việt Nam giai đoạn 2013 - 2022**



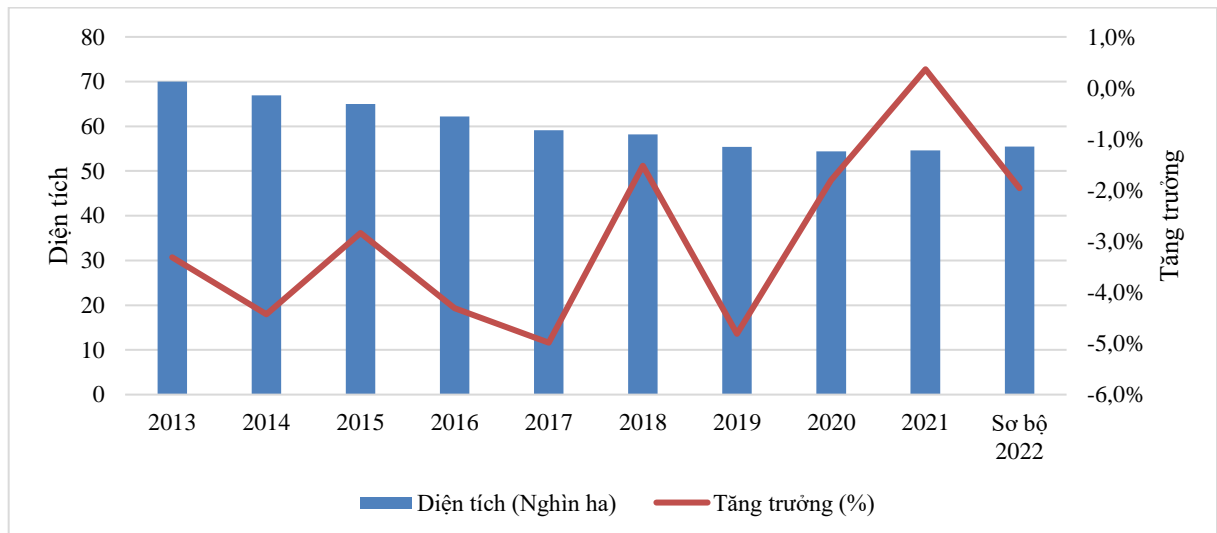
*Nguồn: Niên giám thống kê*



### (v) *Tình hình sản xuất vải*

Giai đoạn 2013-2022, tốc độ tăng trưởng hàng năm kép diện tích sản xuất vải cả nước giảm 2,4%/năm, từ 70,0 nghìn ha năm 2013 giảm xuống còn 50,5 nghìn ha năm 2022.

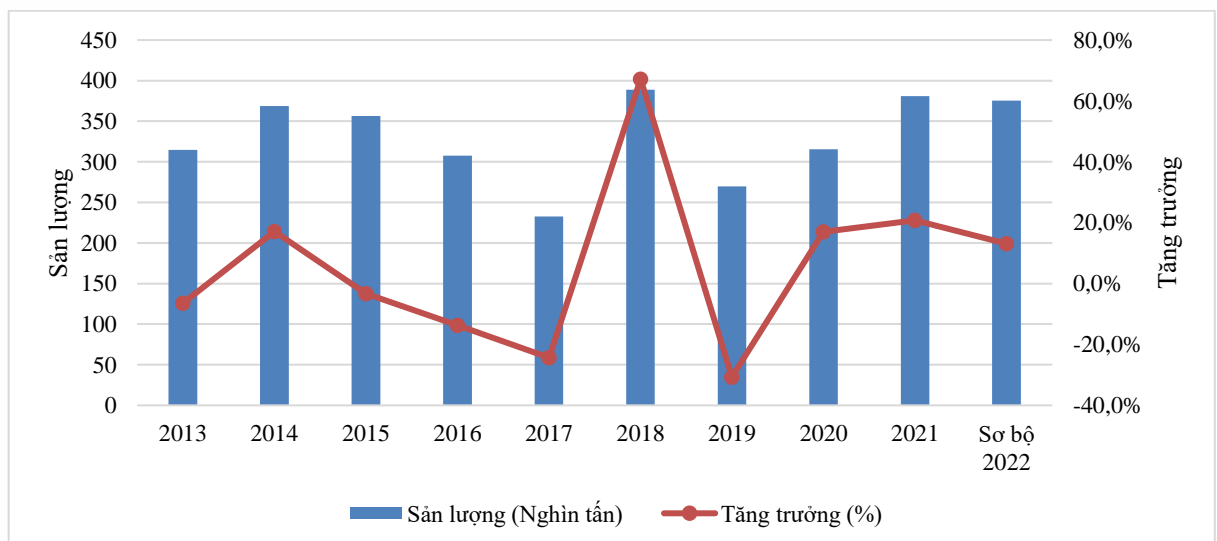
**Hình 32: Diện tích vải Việt Nam giai đoạn 2013-2022**



*Nguồn: Tổng cục Thống kê*

Mặc dù diện tích trồng vải có xu hướng giảm, nhưng sản lượng lại có xu hướng tăng, trung bình đạt 2,0%/năm, từ 314,8 nghìn tấn năm 2013 tăng lên 375,3 nghìn tấn năm 2022.

**Hình 33: Sản lượng vải Việt Nam giai đoạn 2013-2022**



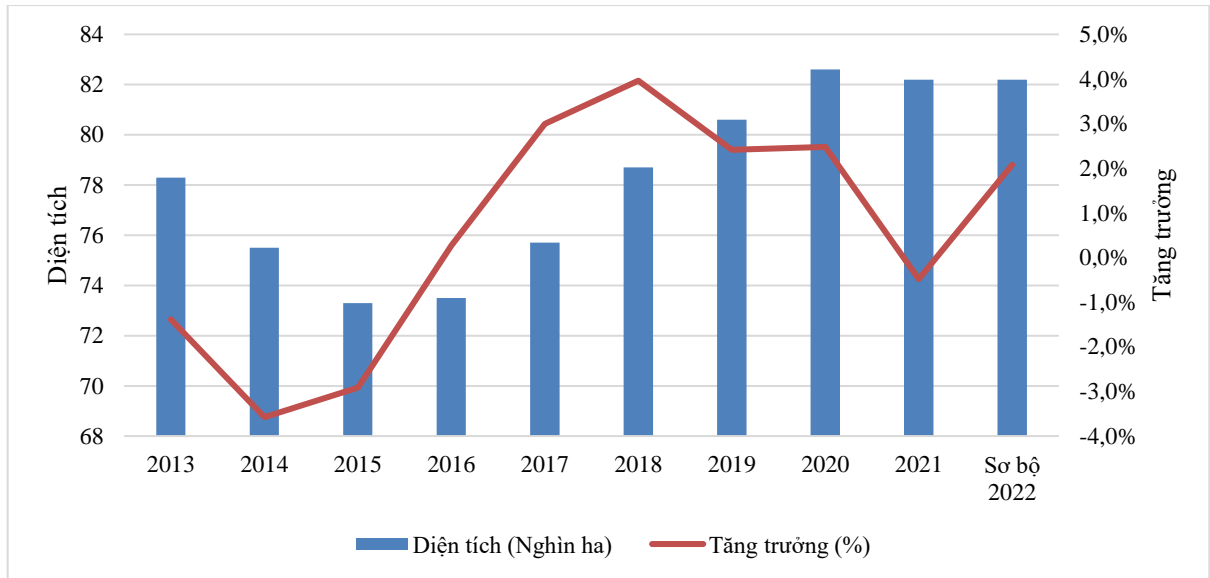
*Nguồn: Tổng cục Thống kê*



### (vi) Tình hình sản xuất nhãn

Diện tích nhãn cả nước tăng trung bình 0,5%/năm trong giai đoạn 2013-2022, từ 78,3 nghìn ha năm 2013 tăng lên 82,2 nghìn ha năm 2022.

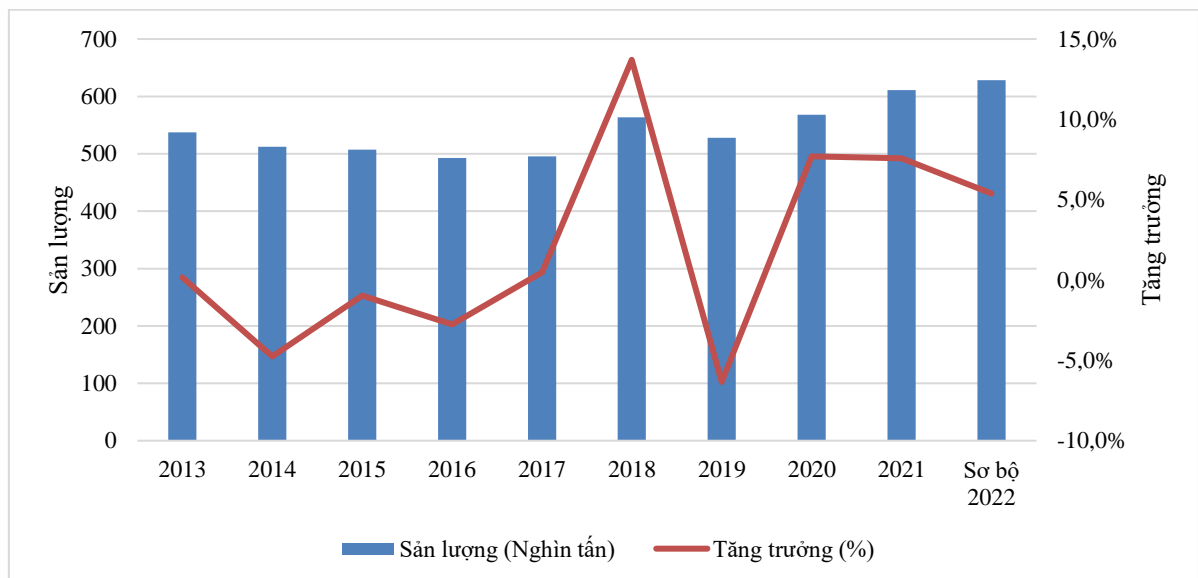
**Hình 34: Diện tích nhãn Việt Nam giai đoạn 2013-2022**



*Nguồn: Tổng cục Thống kê*

Sản lượng nhãn cả nước trung bình tăng 1,7%/năm trong giai đoạn 2013-2022, từ 537,5 nghìn tấn năm 2013 tăng lên 628,1 nghìn tấn năm 2022.

**Hình 35: Sản lượng nhãn Việt Nam giai đoạn 2013-2022**



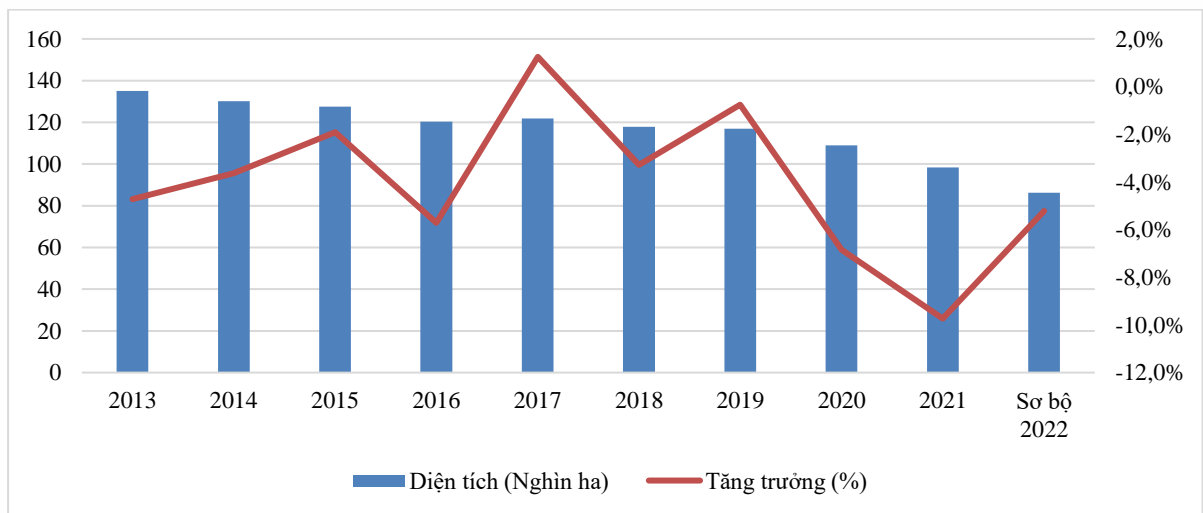
*Nguồn: Tổng cục Thống kê*



### (vii) Tình hình sản xuất khoai lang

Diện tích khoai lang có xu hướng giảm trong những năm gần đây, trung bình giảm 4,9%/năm trong giai đoạn 2013-2022, từ 135,0 nghìn ha năm 2013 giảm xuống còn 86,2 nghìn ha năm 2022.

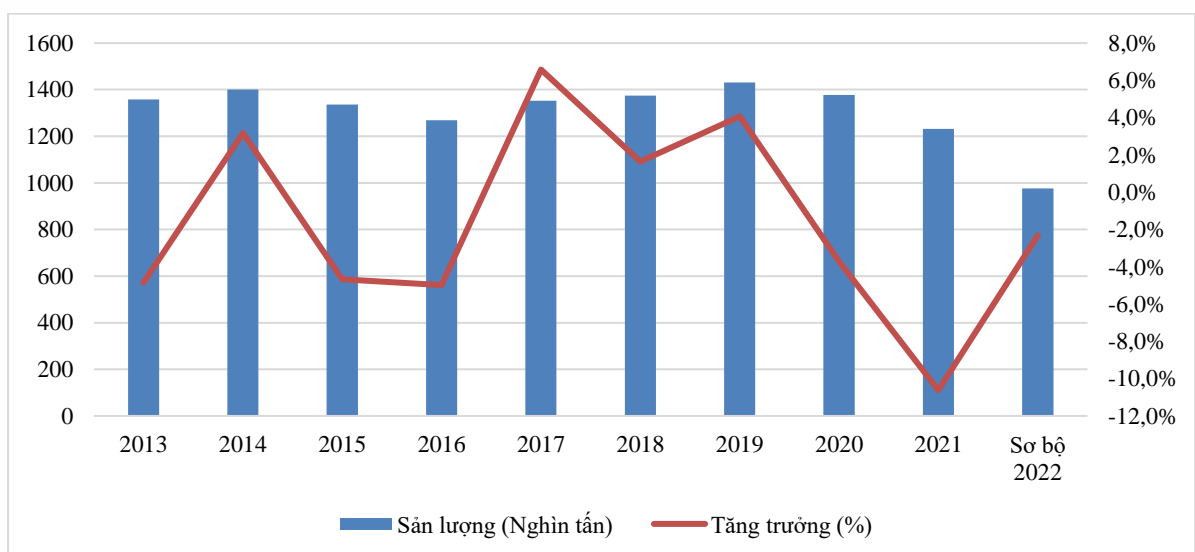
**Hình 36: Diện tích khoai lang Việt Nam giai đoạn 2013-2022**



*Nguồn: Tổng cục Thống kê*

Sản lượng khoai lang cũng có xu hướng giảm trong giai đoạn 2013-2022, trung bình giảm 3,6%/năm, từ 1.358,1 nghìn tấn năm 2013 giảm xuống còn 976,1 nghìn tấn năm 2022, sau khi đạt mức tăng kỷ lục vào năm 2019 (đạt 1.431 nghìn tấn).

**Hình 37: Sản lượng khoai lang Việt Nam giai đoạn 2013-2022**



*Nguồn: Tổng cục Thống kê*





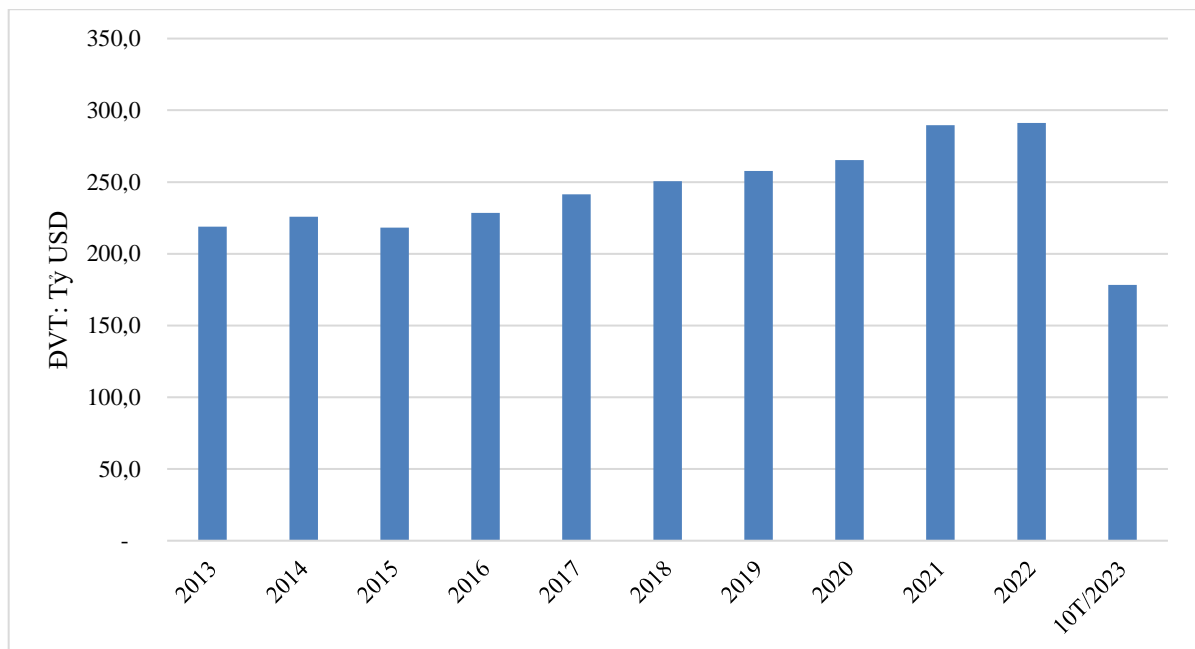
## II. THƯƠNG MẠI RAU QUẢ

### 2.1. Thương mại rau quả thế giới

#### 2.1.1. Xuất khẩu

Theo Trademap, về xuất khẩu rau quả trên toàn thế giới, tổng xuất khẩu rau quả tăng đều trong giai đoạn 2013 – 2022 với mức tăng trưởng bình quân năm đạt 3,2%/năm, từ 218,8 tỷ USD năm 2013 tăng lên 291,2 tỷ USD năm 2022. Tính riêng 10 tháng đầu năm 2023<sup>1</sup>, giá trị xuất khẩu rau quả thế giới đạt 178,2 tỷ USD, đạt 61,2% tổng giá trị xuất khẩu năm 2022.

**Hình 38: Biến động giá trị xuất khẩu rau quả thế giới giai đoạn 2013-10T/2023**



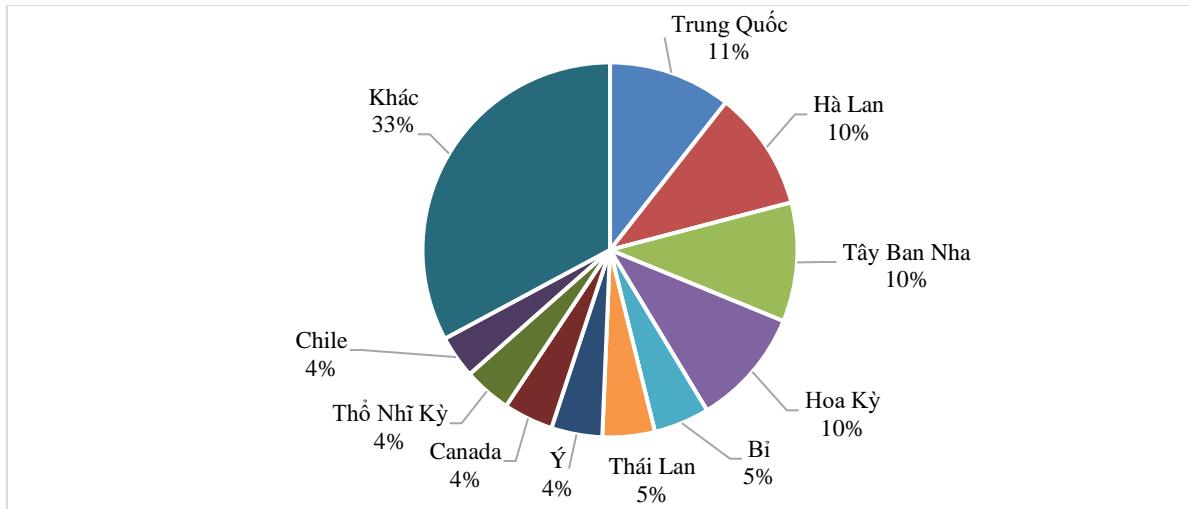
Nguồn: Trademap, (9/1/2024)

Trong 10 tháng đầu năm 2023, tổng giá trị xuất khẩu rau quả của 10 quốc gia đứng đầu chiếm 67,2% tổng giá trị xuất khẩu rau quả trên toàn thế giới. Trong đó, Trung Quốc đứng đầu với 18,8 tỷ USD (chiếm 10,6% thị phần); Hà Lan đạt 18,4 tỷ USD (chiếm 10,3%); Tây Ban Nha đạt 18,3 tỷ USD (chiếm 10,3%); v.v.

<sup>1</sup> Số liệu thống kê Trademap tính đến ngày 9/1/2024



**Hình 39: Giá trị xuất khẩu của 10 quốc gia xuất khẩu rau quả nhiều nhất thế giới, 10T/2023**

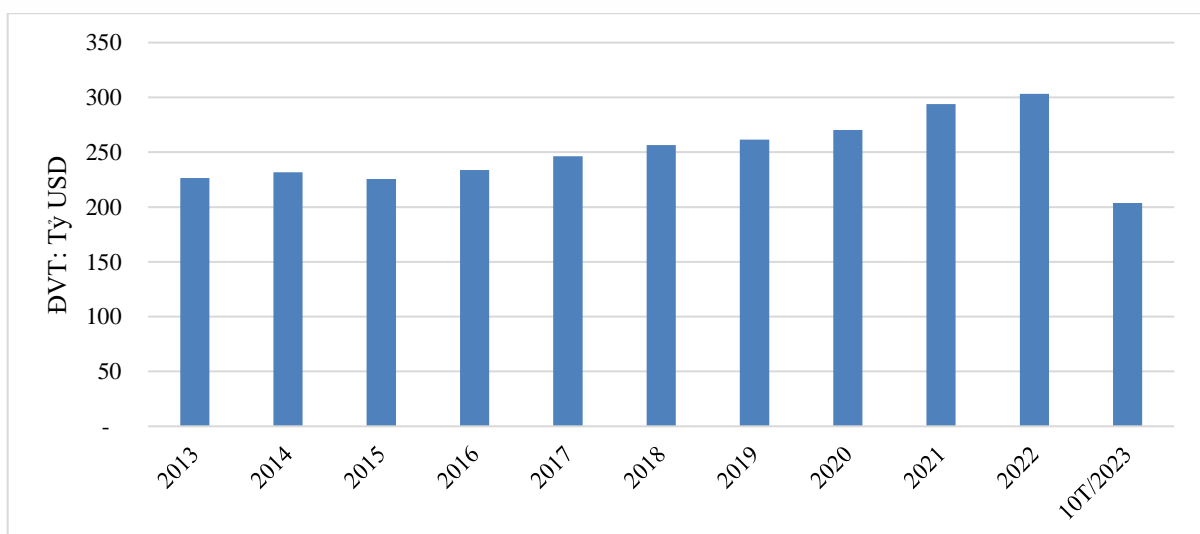


*Nguồn: Trademap, (9/1/2024)*

### 2.1.2. Nhập khẩu

Theo Trademap, về nhập khẩu rau quả trên toàn thế giới, tổng nhập khẩu rau quả tăng đều trong giai đoạn 2013 – 2022 với mức tăng trưởng hàng năm kép đạt 3,3%/năm, từ 226,5 tỷ USD năm 2013 tăng lên 303,2 tỷ USD năm 2022. Tính riêng 10 tháng đầu năm 2023, giá trị nhập khẩu rau quả thế giới đạt 203,7 tỷ USD, tương đương 67,2% giá trị nhập khẩu năm 2022.

**Hình 40: Biến động giá trị nhập khẩu rau quả thế giới giai đoạn 2013-10T/2023**

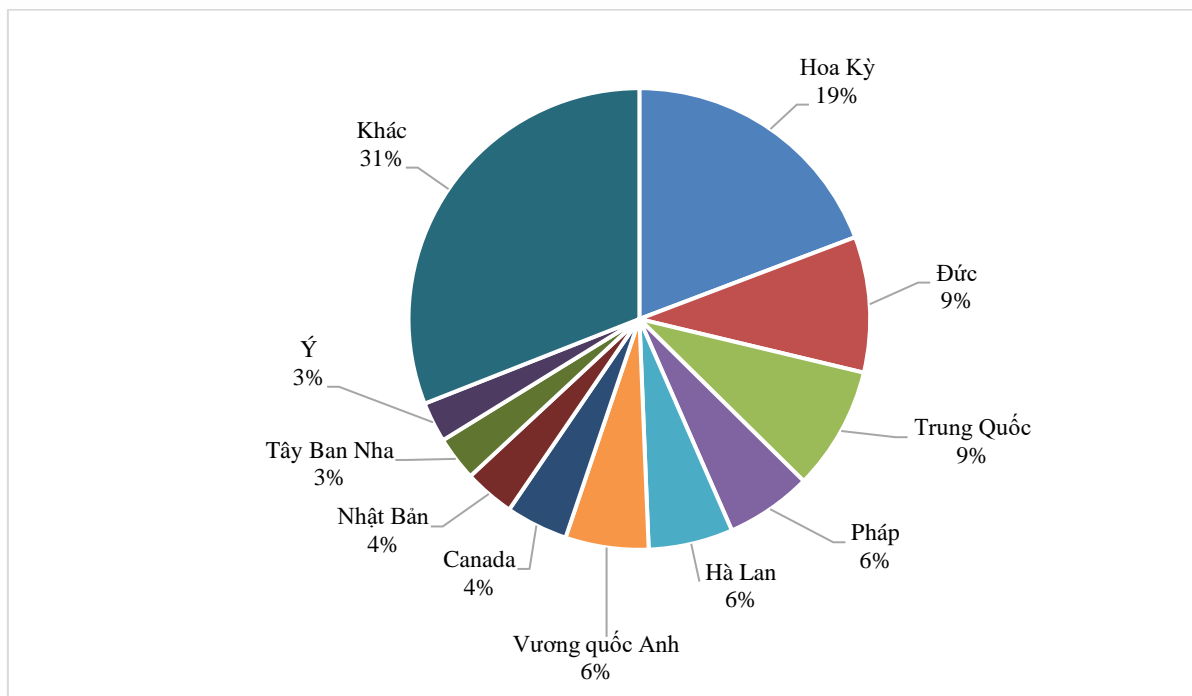


*Nguồn: Trademap, (9/1/2024)*



Trong 10 tháng đầu năm 2023, giá trị nhập khẩu rau quả của 10 quốc gia nhập khẩu rau quả lớn nhất thế giới chiếm 69,0% tổng giá trị nhập khẩu rau quả thế giới. Trong đó, nhập khẩu của Hoa Kỳ đạt 39,2 tỷ USD (chiếm 22,0% tổng giá trị nhập khẩu rau quả toàn thế giới); Đức đạt 19,4 tỷ USD (chiếm 10,9%); Trung Quốc đạt 17,6 tỷ USD (chiếm 9,9%); Pháp đạt 12,3 tỷ USD (chiếm 6,9%); Hà Lan đạt 12,1 tỷ USD (chiếm 6,8%); Vương quốc Anh đạt 11,9 tỷ USD (chiếm 6,7%); v.v.

**Hình 41: Top 10 quốc gia nhập khẩu rau quả nhiều nhất thế giới, 10T/2023**



Nguồn: Trademap, (9/1/2024)

## 2.2. Thương mại rau quả Việt Nam

### 2.2.1. Xuất khẩu

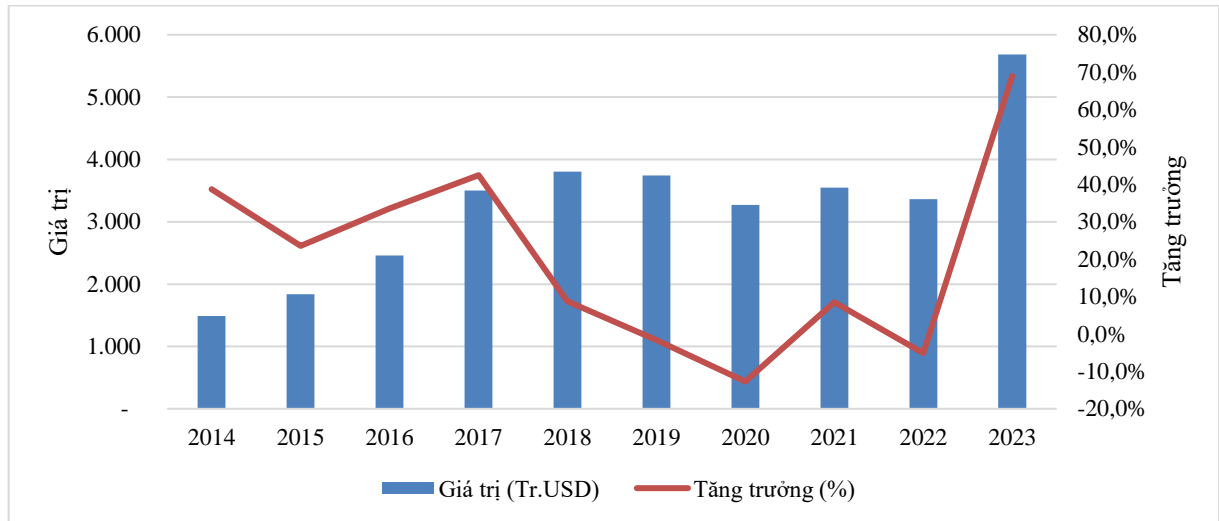
#### 2.2.1.1. Xuất khẩu rau quả

Tổng giá trị xuất khẩu rau quả của Việt Nam tăng trung bình 16,1%/năm trong giai đoạn 2014-2023, từ 1,5 tỷ USD năm 2014 tăng lên 5,7 tỷ USD năm 2023<sup>2</sup>.

<sup>2</sup> Nguồn số liệu năm 2023:: Bộ Nông nghiệp và PTNT



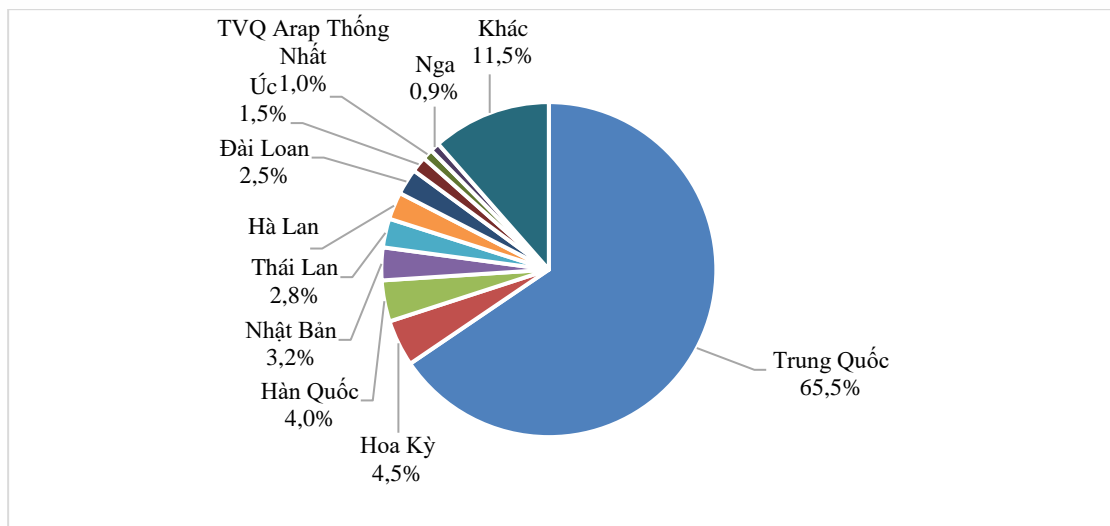
**Hình 42: Giá trị xuất khẩu rau quả của Việt Nam giai đoạn 2014-2023**



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Top 10 thị trường xuất khẩu rau quả lớn nhất của Việt Nam năm 2023 là: Trung Quốc, Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Nhật Bản, Thái Lan, Hà Lan, Đài Loan, Úc, Tiểu vương quốc Ả Rập Thống Nhất và Nga. Thị phần của Top 10 quốc gia này chiếm 88,5% thị phần xuất khẩu rau quả của Việt Nam.

**Hình 43. Cơ cấu thị trường xuất khẩu rau quả của Việt Nam năm 2023**

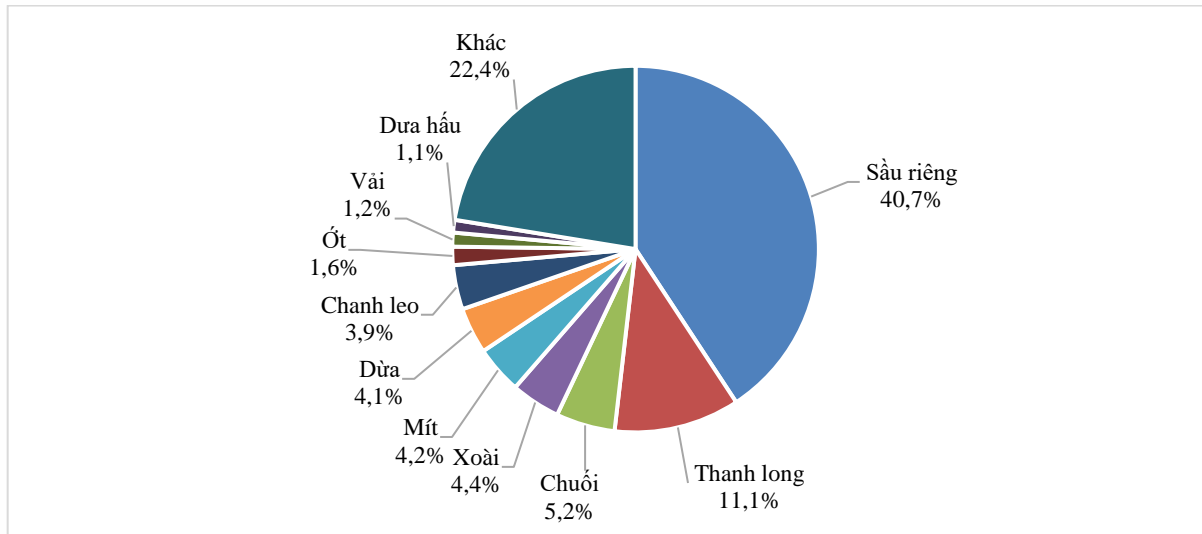


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Các chủng loại rau quả xuất khẩu nhiều nhất năm 2023 là: sầu riêng, thanh long, chuối, xoài, mít, dứa, chanh leo, ớt, vải, dưa hấu. Thị phần xuất khẩu của 10 loại rau quả này chiếm 77,6% tổng giá trị xuất khẩu rau quả.



**Hình 44: Cơ cấu chủng loại xuất khẩu rau quả của Việt Nam năm 2023**

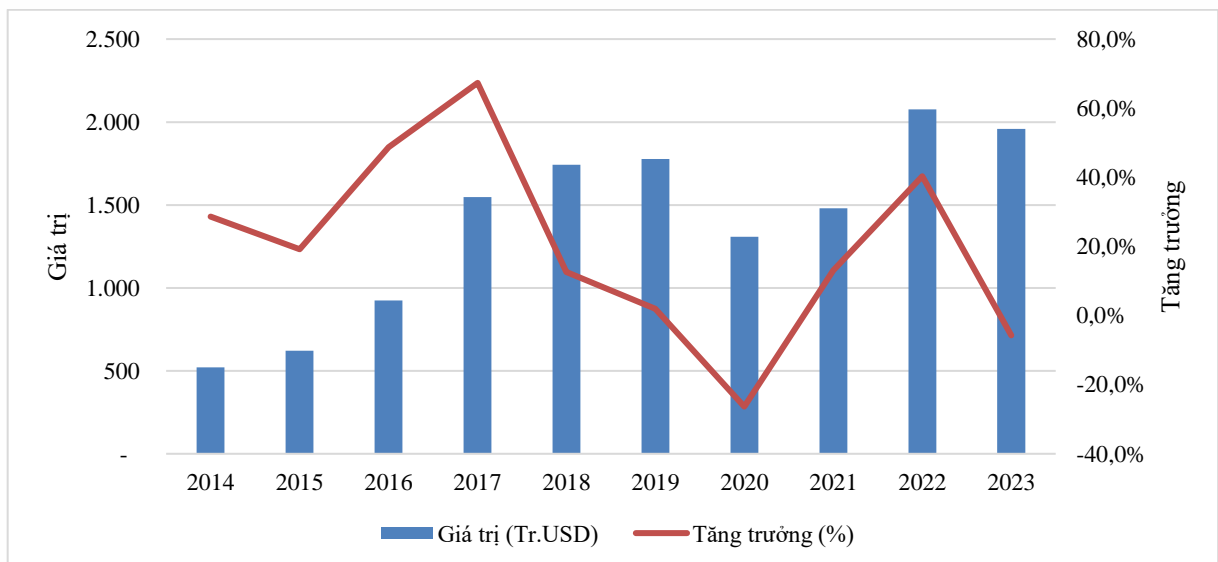


Nguồn: Tổng cục Hải quan

### 2.2.2. Nhập khẩu

Ngoài nguồn sản xuất trong nước, Việt Nam còn nhập khẩu nhiều loại rau quả từ các thị trường khác trên thế giới. Giá trị nhập khẩu rau quả của Việt Nam có xu hướng tăng mạnh với tốc độ tăng trưởng hàng năm kép đạt 15,8%/năm trong giai đoạn 2014-2023, từ 521,9 triệu USD năm 2014 tăng lên 1,96 tỷ USD năm 2023<sup>3</sup>.

**Hình 45: Giá trị nhập khẩu rau quả của Việt Nam, 2014-2023**



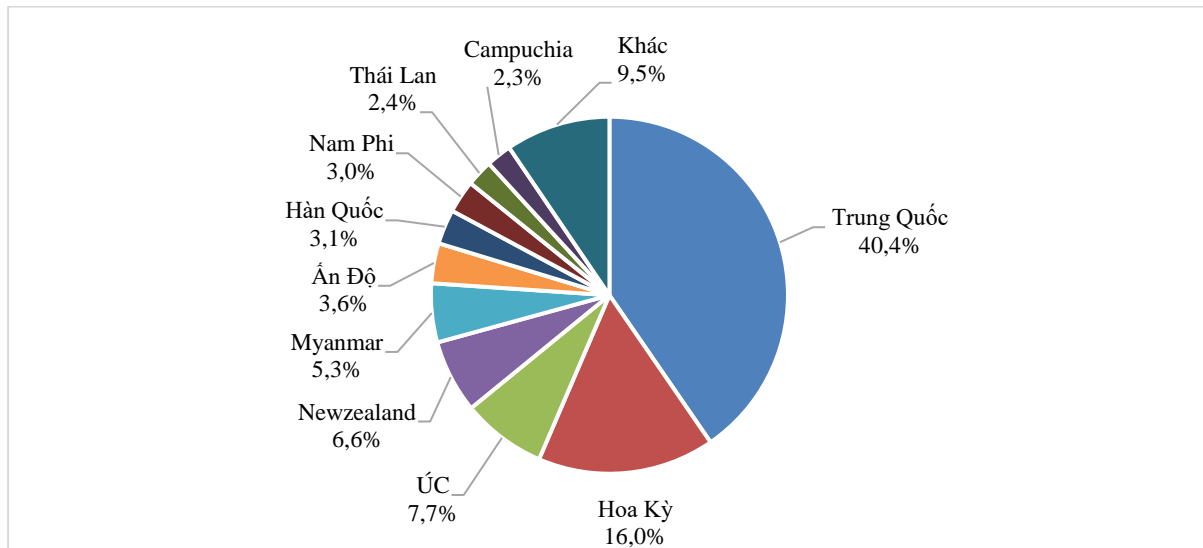
Nguồn: Tổng cục Hải quan

<sup>3</sup> Nguồn: Bộ Nông nghiệp và PTNT



Theo Tổng cục Hải quan, các thị trường cung cấp chính cho Việt Nam là Trung Quốc, Hoa Kỳ, Úc, Newzealand, Myanmar, Ấn Độ, Hàn Quốc, Nam Phi, Thái Lan, Campuchia. Thị phần của 10 quốc gia này chiếm 90,5% tổng giá trị nhập khẩu rau quả của Việt Nam.

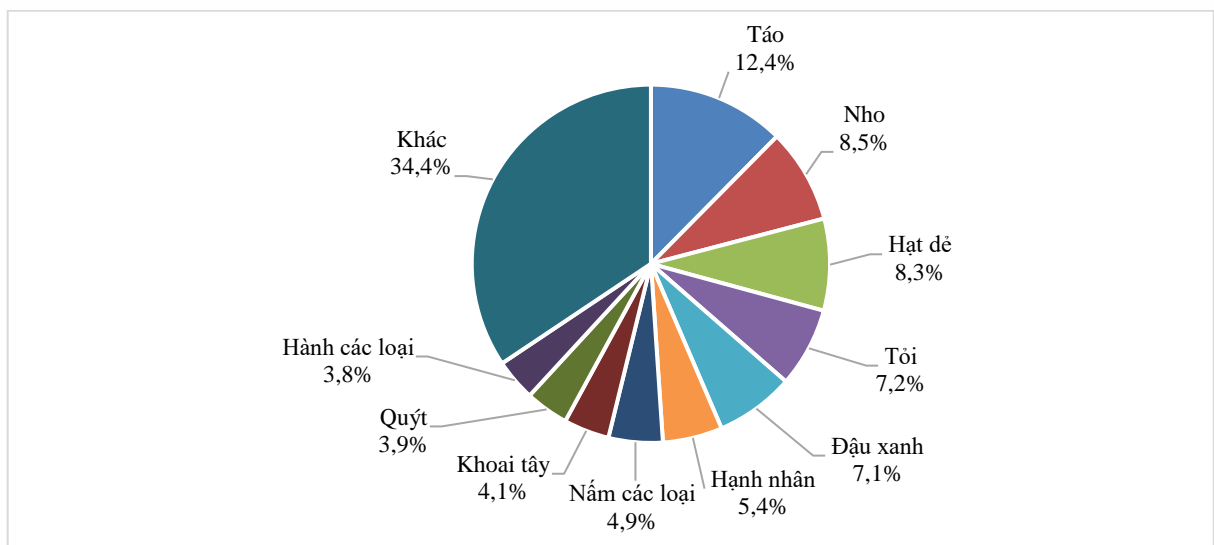
**Hình 46: Cơ cấu thị trường nhập khẩu rau quả của Việt Nam năm 2023**



*Tổng cục Hải quan, 2023*

Các mặt hàng rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất năm 2023 là: táo, nho, hạt dẻ, tỏi, đậu xanh, hành nhân, nấm các loại, khoai tây, quýt, hành các loại. Thị phần của 10 loại rau quả này chiếm 65,6% tổng giá trị nhập khẩu rau quả.

**Hình 47: Cơ cấu mặt hàng rau quả nhập khẩu của Việt Nam năm 2023**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*



### 2.2.3. Tình hình mở cửa thị trường

Năm 2023, hàng loạt nông sản của Việt Nam được ký Nghị định thư xuất khẩu chính ngạch như sầu riêng, thanh long, nhãn, chôm chôm, chuối, khoai lang, v.v. Đặc biệt, trong chuyến thăm của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Trung Quốc Tập Cận Bình từ ngày 12 - 13/12/2023, Bộ NN-PTNT Việt Nam và Tổng cục Hải quan Trung Quốc đã ký thêm Nghị định thư cho trái dưa hấu. Việc ký kết Nghị định thư này là một bước quan trọng trong việc thúc đẩy xuất khẩu chính ngạch sản phẩm nông nghiệp truyền thống của Việt Nam và chuẩn hóa các quy định về xuất khẩu nông sản giữa hai nước. Nhu cầu rau quả của thị trường Trung Quốc còn rất lớn, ước tính trên 15 tỷ USD/năm sẽ là cơ hội lớn cho ngành rau quả của chúng ta trong năm 2024.

Ngày 16/9/2023, trong khuôn khổ Hội chợ Trung Quốc - ASEAN (CAEXPO) và Hội nghị Thượng đỉnh thương mại và đầu tư Trung Quốc - ASEAN (CABIS) lần thứ 20 tại thành phố Nam Ninh, tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Việt Nam) và Chính quyền nhân dân khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc) đã ký Bản ghi nhớ về hợp tác nông nghiệp.

Theo đó, hai bên nhất trí cùng nhau thúc đẩy và phát triển mối quan hệ hợp tác trong nông nghiệp và phát triển nông thôn cũng như xúc tiến thương mại và đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp. Hai bên hướng tới mục tiêu trong vòng 3 năm tới, tăng trưởng bền vững lượng thương mại nông thủy sản và đầu tư trong nông nghiệp giữa hai nước; hình thành và phát triển sáng tạo chuỗi cung ứng nông sản xuyên biên giới với sự tham gia của các doanh nghiệp hai nước và đạt được những kết quả vững chắc về hợp tác trong nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Hai bên đẩy mạnh đào tạo tài năng, hợp tác sâu về đào tạo nghề nông, khuyến khích trao đổi và hợp tác giữa các trường nông nghiệp, như Đại học Kỹ thuật nghề nông nghiệp Quảng Tây, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Đại học Thủy lợi, Đại học Lâm nghiệp, Đại học Nông Lâm Bắc Giang và các trường cao đẳng dạy nghề nông nghiệp có liên quan... Về hợp tác đẩy nhanh thông quan hàng hóa nông thủy sản, hai bên tăng cường kết nối với các đơn vị chức năng để chủ động thúc đẩy các thủ tục liên quan đến xuất khẩu nông sản song phương về nông thủy sản ở cấp địa phương và cấp cục, vụ, như là xuất khẩu cá tầm của Trung Quốc sang Việt Nam và xuất khẩu dưa, vải, bưởi, thủy sản, và các loại nông sản khác của Việt Nam sang Trung Quốc. Nâng cấp và cải tiến hạ tầng cửa khẩu để phục vụ có hiệu quả thương mại nông lâm thủy sản xuyên biên giới Trung Quốc - Việt Nam; cung cấp thông tin kịp thời về khối lượng thông quan nông



lâm thủy sản và những thông tin khác trong trường hợp ùn tắc hoặc nguy cơ ùn tắc tại cửa khẩu.<sup>4</sup>

### 2.3. Doanh nghiệp xuất khẩu rau quả

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, năm 2023, Việt Nam có trên 2.000 công ty/doanh nghiệp xuất khẩu rau, củ, quả. Giá trị xuất khẩu của Top 20 doanh nghiệp xuất khẩu nhiều nhất chiếm 24,4% tổng giá trị xuất khẩu rau quả của cả năm 2023.

Ngày 14/12/2023, Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 3235/QĐ-BCT phê duyệt danh sách “Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín” năm 2022. Danh sách Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín này được tổng hợp và công bố trên cơ sở xét chọn và đề xuất của các cơ quan hữu quan, được xét chọn trên cơ sở các tiêu chí do Bộ Công Thương quy định về mức kim ngạch xuất khẩu tối thiểu, về uy tín trong kinh doanh đối với bạn hàng nước ngoài, về việc chấp hành nghĩa vụ đối với Nhà nước trong lĩnh vực hải quan, lĩnh vực thuế, lĩnh vực môi trường, v.v.

Lĩnh vực rau, củ, quả và các sản phẩm từ rau, củ, quả có 17 doanh nghiệp đáp ứng tiêu chí xét chọn, bao gồm:

STT	DOANH NGHIỆP	ĐƠN VỊ XÉT CHỌN
1	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Vina T&T	Hiệp hội rau quả Việt Nam
2	Công ty TNHH chế biến dứa Lương Quới	Hiệp hội rau quả Việt Nam
3	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu trái cây Chánh Thu	Hiệp hội rau quả Việt Nam
4	Công ty cổ phần Đầu tư dứa Bến Tre	Sở Công Thương tỉnh Bến Tre
5	Công ty TNHH MTV Ant Farm	Hiệp hội rau quả Việt Nam
6	Công ty CP Nafoods Group	Sở Công thương tỉnh Nghệ An
7	Công ty Cổ phần Rau quả thực phẩm An Giang	Sở Công Thương tỉnh An Giang
8	Công ty cổ phần Viên Sơn	Sở Công Thương tỉnh Lâm Đồng
9	Công ty CP Thực phẩm Hùng Hậu	Hiệp hội rau quả Việt Nam
10	Công ty CP Chế biến thực phẩm XNK Miền Tây	Hiệp hội rau quả Việt Nam
11	Công ty CP thực phẩm Khang An	Hiệp hội rau quả Việt Nam
12	Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Đà Lạt tự nhiên	Sở Công thương tỉnh Lâm Đồng

<sup>4</sup> <https://www.vietnamplus.vn/viet-nam-quang-tay-ky-ban-ghi-nho-ve-hop-tac-nong-nghiep-post894774.vnp>





13	Công ty CP thực phẩm Tinh túy	Hiệp hội rau quả Việt Nam
14	Công ty cổ phần rau quả Tiền Giang	Hiệp hội rau quả Việt Nam
15	Công ty Cổ phần HAGIMEX	Sở Công thương tỉnh Hà Nam
16	Công ty TNHH Green Powers	Hiệp hội rau quả Việt Nam
17	Công ty TNHH MTV Nông sản Quỳnh Trung	Sở Công thương tỉnh Bình Phước

*Nguồn: Bộ Công Thương*

### **III. MỘT SỐ CHÍNH SÁCH CÓ TÁC ĐỘNG ĐẾN NGÀNH RAU QUẢ TRONG NĂM 2023**

#### **3.1. Quốc tế**

##### ***a. Trung Quốc***

Vào ngày 16/10/2023, tại ga Yanhe ở thành phố Ngọc Khê, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc đã diễn ra lễ khai trương các tuyến đường sắt quốc tế chở hàng hóa bảo quản lạnh giữa Trung Quốc với Việt Nam và Lào<sup>5</sup>. Trong đó, chuyến tàu quốc tế chở hàng hóa bảo quản lạnh giữa Trung Quốc với Việt Nam được khai thác trên cơ sở tuyến đường sắt Côn Minh - Ngọc Khê và đường sắt Việt Nam - Trung Quốc, với hành trình 20 tiếng, kết nối trực tiếp các thành phố Côn Minh, Ngọc Khê của tỉnh Vân Nam, Trung Quốc với Lào Cai, Việt Nam. Theo đánh giá của đơn vị vận hành, tuyến đường sắt chở hàng này có ưu điểm về tính an toàn, ổn định, thời gian ngắn, khả năng vận chuyển tốt, với các tính năng của thiết bị dây chuyền bảo quản lạnh trong vận chuyển. Nhờ đó, bảo đảm độ tươi ngon của hàng hóa như rau, quả từ Vân Nam đến Việt Nam, Lào và ngược lại. Trong giai đoạn đầu vận hành, chuyến tàu chở hàng bảo quản lạnh giữa Trung Quốc và Việt Nam sẽ khai thác với tần suất 1 chuyến/tuần, sau đó sẽ được điều chỉnh dựa trên nhu cầu của khách hàng. Theo đánh giá, việc khai trương các tuyến đường sắt quốc tế chở hàng bảo quản lạnh giữa Trung Quốc với Việt Nam và Lào, sẽ giúp đưa các sản phẩm của tỉnh Vân Nam ra nước ngoài, đồng thời nhập khẩu hàng chục nghìn tấn trái cây nhiệt đới từ Việt Nam, Lào, Thái Lan vào thị trường Trung Quốc. Trước khi khai trương chuyến tàu chở hàng bảo quản lạnh, các tuyến đường sắt liên vận quốc tế giữa Trung Quốc và Việt Nam đã vận hành được 4.100 chuyến, chuyên chở hơn 1,6 triệu tấn hàng hóa xuyên biên giới, góp phần thúc đẩy giao thương, trao đổi hàng hóa giữa hai nước.

<sup>5</sup> <https://nhandan.vn/trung-quoc-khai-truong-chuyen-tau-cho-hang-bao-quan-lanh-den-viet-nam-post777955.html>



Trung Quốc xây dựng trung tâm thương mại trái cây từ ASEAN ở 3 thành phố lớn của tỉnh Quảng Tây, gồm Sùng Tả, Nam Ninh và Khâm Châu<sup>6</sup>. Ba trung tâm thương mại trái cây này được triển khai theo dự án Trung tâm Phân phối Nông sản Trung Quốc - ASEAN, nhằm xây dựng một hệ thống thương mại hoàn chỉnh bao gồm phân phối, kinh doanh và chế biến trái cây; giúp trái cây nhập khẩu được phân phối trên khắp Trung Quốc và nâng tầm quan hệ thương mại giữa Trung Quốc và các thành viên ASEAN. Việc thành lập các trung tâm này sẽ thúc đẩy phát triển mạng lưới vận tải trái cây nhập khẩu, mang lại lợi ích cho cả người tiêu dùng Trung Quốc cũng như giảm chi phí vận tải cho nhà xuất khẩu trái cây ASEAN. Trung tâm thương mại trái cây ở Khâm Châu, ở gần khu vực cảng của thành phố này, nằm trong dự án Thí điểm Khu Thương mại Tự do của Trung Quốc. Với lợi thế sở hữu nhiều tuyến đường biển với các nước ASEAN, trung tâm này có nhiệm vụ tiếp cận các thị trường Malaysia, Campuchia và Thái Lan, đồng thời đưa các loại trái cây nhiệt đới chất lượng cao như sầu riêng, xoài và nhãn đến người tiêu dùng Trung Quốc. Trong lễ khánh thành trung tâm, lô hàng sầu riêng đầu tiên của Malaysia đã cập cảng Khâm Châu, sau đó được xử lý và chuyển vào một kho lạnh chuyên dụng. So với nhập khẩu trái cây qua Cửa khẩu Quốc tế Hữu Nghị ở Lạng Sơn, Việt Nam, cảng Khâm Châu có nhiều lợi thế lớn hơn do chi phí vận tải qua đường biển thấp hơn đường bộ. Vận tải trái cây qua đường biển trung bình có thể tiết kiệm 10.000 NDT/container so với đường bộ. Trong ba năm tới, Khâm Châu có kế hoạch xây dựng một thị trường thương mại trái cây Trung Quốc - ASEAN và nền tảng thương mại trực tuyến, hướng tới mục tiêu xuất nhập khẩu trái cây đạt trên 600.000 tấn/năm vào năm 2025. Cảng Khâm Châu có kết nối với 26 cảng biển của các nước ASEAN với 36 tuyến đường vận chuyển hàng hóa.

Thành phố Trùng Khánh, ở Tây Nam Trung Quốc, nơi khởi xướng sáng kiến Hành lang Thương mại Biển - Đất liền Quốc tế Mới, cũng đã và đang xây dựng một mạng lưới phân phối nông sản nhập khẩu từ các nước ASEAN ra khắp Trung Quốc. Chính quyền thành phố Trùng Khánh đang nỗ lực tạo điều kiện cho các hoạt động vận tải đường bộ và đường biển cùng với hành lang thương mại kết nối các tỉnh Quảng Tây, Vân Nam với các nước ASEAN bao gồm Lào, Việt Nam và Myanmar.

Trong những năm gần đây, Trung Quốc đã lên kế hoạch chủ động nguồn cung nhiều mặt hàng trái cây nhiệt đới điển hình như thanh long và sầu riêng. Diện tích thanh long của Trung Quốc đã tăng lên 67.000 ha với sản lượng 1,6 triệu tấn vào năm 2022,

<sup>6</sup> <https://nongnghiep.vn/trung-quoc-day-manh-nhap-trai-cay-tu-asean-qua-tinh-quang-tay-d360628.html>



vượt qua Việt Nam cả về diện tích và sản lượng. Năm 2023, dự án trồng thử nghiệm sầu riêng với diện tích 20 mẫu (khoảng 1,33 ha) đã chính thức được triển khai tại thành phố Sầm Khê (tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc).

### *b. Hoa Kỳ*

Bộ Thương mại Hoa Kỳ dự kiến sẽ đưa ra quyết định trong vài tháng tới về việc chấm dứt Thỏa thuận đình chỉ cà chua năm 2019<sup>7</sup>. Theo đó, cà chua nhập khẩu từ Mexico bán ở Hoa Kỳ được Bộ Thương mại Hoa Kỳ kiểm soát thông qua thỏa thuận đình chỉ, trong đó đặt ra mức giá tối thiểu và điều tiết việc bán hàng giữa người trồng và nhà nhập khẩu. Nguyên nhân là vào tháng 6/2023, đại diện Sở giao dịch cà chua Florida (FTE) đã yêu cầu chính phủ liên bang chấm dứt thỏa thuận với cáo buộc Chính phủ đã thất bại trong việc ngăn chặn cà chua Mexico buôn bán không công bằng nhằm phá hủy ngành công nghiệp cà chua của Hoa Kỳ. Đại diện FTE lập luận rằng, thỏa thuận đình chỉ có thể là một công cụ hiệu quả đối với những sản phẩm có thể được bảo quản trong kho cho đến khi điều kiện thị trường được cải thiện, nhưng đối với những mặt hàng dễ hư hỏng cao như cà chua tươi, có quá nhiều động cơ để trốn giá tham chiếu khi thị trường dư cung.

### *c. ASEAN*

Thái Lan đang có kế hoạch thành lập "Quỹ sầu riêng Thái Lan"<sup>8</sup> theo mô hình ngành cao su để hỗ trợ phát triển bền vững ngành trồng sầu riêng. Thuế xuất khẩu sầu riêng sẽ được đánh ở mức 25 satang/kg (100 satang = 1 baht), tương đương khoảng 0,051 nhân dân tệ/kg. Theo sản lượng 1,5 triệu tấn sầu riêng mỗi năm như hiện nay, tổng doanh thu thuế hàng năm ước khoảng 375 triệu baht (khoảng 10,5 triệu USD). Quỹ này sẽ sử dụng thuế và phí thu của các nhà xuất khẩu sầu riêng tài trợ cho các hoạt động nghiên cứu và phát triển sầu riêng; kiểm soát và duy trì chất lượng sản phẩm sầu riêng để thúc đẩy xuất khẩu và chế biến sầu riêng Thái Lan; hỗ trợ bồi thường cho nông dân và nông dân bị ảnh hưởng bởi thiên tai hoặc các sự kiện không thể kiểm soát được; và chi phí quản lý. Có 25 điều trong "Luật quỹ sầu riêng Thái Lan", người trốn thuế sẽ bị phạt tù không quá 06 tháng hoặc phạt tiền không quá 10 lần số tiền phải nộp nhưng không dưới 5.000 baht, hoặc phải chịu cả hai hình thức.

<sup>7</sup> <https://freightwaves.com/news/borderlands-us-mulls-terminating-tomato-trade-agreement-with-mexico>

<sup>8</sup> <https://guojiguoshu.com/article/8817>



Philippines và Hàn Quốc đã ký kết Hiệp định Thương mại Tự do Song phương (FTA) ngày 7/9/2023 tại Jakarta (Indonesia)<sup>9</sup>. Theo thỏa thuận, Hàn Quốc sẽ xóa bỏ thuế đối với 94,8% các mặt hàng và Philippines sẽ dỡ bỏ thuế đối với 96,5% các hàng hóa được giao dịch. Hiệp định sẽ có hiệu lực từ nửa đầu năm 2024. Hiện chuỗi Philippines xuất khẩu sang Hàn Quốc đang bị áp thuế 30% và sẽ giảm xuống 0% trong vòng 5 năm tới. Thuế xuất khẩu dựa chế biến sang Hàn Quốc (hiện tại là 36%) cũng sẽ được loại bỏ trong vòng 7 năm tới.

Tập đoàn Sầu riêng Royal Pahang (RPDG) của Malaysia đã ký 4 thỏa thuận hợp tác nhằm thúc đẩy xuất khẩu sầu riêng sang thị trường Trung Quốc, bao gồm thỏa thuận về thành lập chi nhánh chuyên phân phối và bán lẻ sầu riêng đông lạnh tại thị trường Trung Quốc; thỏa thuận về khung chiến lược hợp tác cho phép các sản phẩm RPDG được bán trên nền tảng của JD.com; thỏa thuận về khung chiến lược hợp tác logistics; và thỏa thuận về hợp tác nghiên cứu để tăng sản lượng sầu riêng.

### *d. Hàn Quốc*

Cơ quan An toàn thực phẩm và dược phẩm Hàn Quốc (MFDS) cho biết từ ngày 30/3/2023 sẽ thực thi "Lệnh kiểm tra nhà nhập khẩu", chỉ cho các đơn vị được phép nhập khẩu ớt từ Việt Nam vào trong nước khi xuất trình trước chứng từ đảm bảo tính an toàn của sản phẩm về dư lượng thuốc trừ sâu (Diniconazole và Tolfenpyrad).

### *e. EU*

Ngày 11/10/2023, EU đã đăng công báo số 2023/2210<sup>10</sup> quy định về việc định ngưỡng hạn ngạch thuế quan cho một số loại hoa quả nhập khẩu trong giai đoạn từ tháng 1/2024 đến tháng 6/2025. Theo đó, cà chua, dưa chuột, artiso, bí xanh, chanh, cam quýt, nho, táo, lê, mơ, cherry, đào, mận nếu được nhập khẩu vào EU vượt hạn ngạch quy định sẽ phải chịu thuế nhập khẩu gia tăng. Các loại hoa quả này là các loại thường được tiêu thụ nhiều tại EU và bán phổ biến tại các siêu thị.

Ngày 3/3/2023, EU ban hành Quy định mới số ((EU) 2023/466 sửa đổi Phụ lục II, III và V của Quy định (EC) số 396/2005 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu liên quan đến mức dư lượng tối đa (MRL) đối với hoạt chất isoxaben, novaluron và tetraconazole trong hoặc trên một nông sản thực phẩm trong đó bao gồm nhóm rau, củ, quả tươi và đông lạnh.

<sup>9</sup> <https://www.philstar.com/business/2023/09/09/2294822/south-korea-scrap-tariffs-philippine-banana-pineapple>

<sup>10</sup> <https://vinanet.vn/chinh-sach-the-gioi/eu-quy-dinh-nguong-han-ngach-thue-quan-mot-so-loai-hoa-qua-774224.html>



Ngày 26/6/2023, Ủy ban châu Âu đề xuất gói hỗ trợ ngành nông nghiệp<sup>11</sup> trị giá 330 triệu Euro từ Quỹ Chính sách Nông nghiệp chung (CAP) cho 22 quốc gia thành viên, nhằm hỗ trợ nông dân các nước này bị ảnh hưởng bởi các sự kiện khí hậu bất lợi, chi phí đầu vào cao và các vấn đề liên quan đến thương mại và đa dạng thị trường. Ngoài ra, EU phê gói hỗ trợ 100 triệu Euro cho Bulgaria, Hungary, Ba Lan, Romania và Slovakia đã được đề xuất từ ngày 3/5 do nông dân của 5 quốc gia này đang phải đối mặt với các vấn đề tắc nghẽn hậu cần sau khi nhập khẩu một lượng lớn nông sản thực phẩm từ Ukraina.

### *f. Một số quốc gia khác*

Theo Cơ quan giám sát nông sản của Nga (Rosselkhozadzor), từ ngày 4/12/2023, các hạn chế nhập khẩu rau quả từ Moldova sẽ có hiệu lực trở lại. Nguyên nhân là do Moldova đã không có hành động nào để khắc phục tình trạng vi phạm an toàn kiểm dịch thực vật của Nga.

Quỹ Phát triển Nga - Kyrgyzstan đã phân bổ 4 triệu USD để hỗ trợ thành lập nhà máy cấp đông rau quả đầu tiên ở Kyrgyzstan. Nhà máy có sức chứa 4.000 tấn và được cung cấp sản phẩm từ hơn 1.000 nông dân trên toàn quốc. Nhà máy này sẽ giúp ngăn chặn tình trạng thiếu lương thực và thúc đẩy xuất khẩu của Kyrgyzstan.

Ngày 31/10/2023, Cơ quan Nông nghiệp và Thực phẩm Kenya (AFA) đã quyết định tạm dừng xuất khẩu bơ sau khi có lo ngại rằng một số nhà xuất khẩu đã đóng gói lẫn xoài và bơ để vận chuyển bằng đường biển. Theo đó, kể từ ngày 13/11, các nhà xuất khẩu xoài sẽ phải chịu sự giám sát chặt chẽ hơn để đảm bảo tính xác thực của các lô hàng xuất khẩu. Lệnh cấm xuất khẩu tạm thời đối với bơ của Kenya sẽ được áp dụng cho đến khi có hướng dẫn tiếp theo vào giữa tháng 1 năm 2024

Ấn Độ đã áp đặt lệnh cấm nhập khẩu táo có giá nhập khẩu CIF (chi phí, bảo hiểm và vận chuyển) thấp hơn hoặc bằng 50 Rs/kg (0,6 USD/kg) nhằm bảo vệ lợi ích của những người trồng táo trong nước.

Ireland sẽ tài trợ khoảng 495.000 USD cho một dự án của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc (FAO) hỗ trợ trồng khoai tây ở Ukraine.

## **3.2. Trong nước**

### **a. Chiến lược phát triển trồng trọt đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

<sup>11</sup> [https://ec.europa.eu/commission/presscorner/detail/en/ip\\_23\\_3189](https://ec.europa.eu/commission/presscorner/detail/en/ip_23_3189)



Ngày 30/12/2023, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 1748/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển trồng trọt đến năm 2023, tầm nhìn đến năm 2050

### ***Mục tiêu chung của Chiến lược:***

Phát triển trồng trọt thành ngành kinh tế kỹ thuật hoàn chỉnh, chuyên nghiệp, sản phẩm có sức cạnh tranh cao, đảm bảo an toàn thực phẩm, vững chắc an ninh lương thực quốc gia và các nhu cầu khác của nền kinh tế, gia tăng giá trị xuất khẩu; sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên, bảo vệ môi trường sinh thái, phòng, chống có hiệu quả thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu; tạo việc làm, nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống cho nông dân góp phần ổn định xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh.

### ***Mục tiêu cụ thể đến năm 2030:***

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất trồng trọt bình quân 2,2 - 2,5%/năm; tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng công nghiệp chế biến sản phẩm trồng trọt bình quân 8 - 10%/năm.

- Đảm bảo tưới chủ động trên 85% diện tích đất chuyên trồng lúa; 70% diện tích cây trồng cạn được tưới, trong đó ít nhất 30% diện tích có tưới được áp dụng phương pháp tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.

- Tỷ lệ diện tích sản xuất thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP và tương đương...): 10 - 15%, trồng trọt hữu cơ 1%. Tỷ lệ giá trị sản phẩm trồng trọt được sản xuất dưới các hình thức hợp tác, liên kết đạt 30 - 35%.

- Kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm ồng trọt đạt trên 26 tỷ USD.

- Giá trị sản phẩm bình quân trên 1 ha đất ồng trọt đạt 150 - 160 triệu đồng.

### ***Định hướng phát triển một số cây trồng chủ lực:***

#### **❖ Rau**

Trên cơ sở phát huy lợi thế về đất đai, nguồn nước, khí hậu để tăng diện tích và đa dạng chủng loại, mùa vụ đáp ứng nhu cầu tiêu dùng đang tăng nhanh trong nước và xuất khẩu.

Xây dựng các cụm liên kết gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ rau tại các địa phương, các vùng có sản lượng rau lớn. Phát triển các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung bảo đảm truy xuất nguồn gốc.

Sản xuất rau hướng vào nâng cao chất lượng, áp dụng công nghệ cao, sản xuất



theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP), hữu cơ để nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm.

## ❖ *Cây ăn quả*

Tổ chức lại sản xuất, hình thành các vùng sản xuất cây ăn quả chủ lực tập trung trên cơ sở phát huy tiềm năng, lợi thế các vùng sinh thái, gắn với phát triển các nhà máy chế biến và thị trường tiêu thụ. Ưu tiên phát triển một số cây ăn quả có lợi thế, có thị trường tiêu thụ như xoài, chuối, thanh long, dứa,...

Đẩy mạnh rải vụ thu hoạch cây ăn quả gắn với liên kết vùng phát triển bền vững; phát triển nhanh các vùng sản xuất an toàn được chứng nhận VietGAP, GlobalG.A.P... được cấp mã số vùng trồng; áp dụng đồng bộ các tiến bộ khoa học công nghệ trong sản xuất, bảo quản sản phẩm).

Tăng cường chế biến, đa dạng hoá các sản phẩm, đặc biệt chế biến sâu gia tăng giá trị và tạo sự khác biệt của một số loại trái cây có lợi thế của Việt Nam gắn với xây dựng và phát triển thương hiệu trái cây Việt Nam với một số loại trái cây lợi thế.

### **b. Đề án phát triển cây ăn quả chủ lực và ngành hoa - cây cảnh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đến năm 2030**

Ngày 19/06/2023, Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Trị ký Quyết định số 1258/QĐ-UBND Phê duyệt kế hoạch triển khai đề án phát triển cây ăn quả chủ lực và ngành hoa - cây cảnh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đến năm 2030.

**Mục tiêu chung:** Từng bước phát triển cây ăn quả chủ lực có quy mô theo hướng hàng hóa, tập trung, sản xuất gắn với chế biến, xây dựng thương hiệu và phát triển bền vững; v.v.

#### ***Mục tiêu cụ thể đối với cây ăn quả đến năm 2030:***

- Có 10.000 ha cây ăn quả các loại, sản lượng trên 190.000 tấn, trong đó diện tích cây ăn quả chủ lực 8.000 ha, sản lượng trên 160.000 tấn;

- Vùng sản xuất cây ăn quả tập trung phấn đấu đạt: Tỷ lệ giá trị sản phẩm được sản xuất dưới các hình thức hợp tác, liên kết đạt 30-40%; tỷ lệ diện tích trồng mới, trồng tái canh sử dụng giống chất lượng cao 60%; tỷ lệ diện tích cây ăn quả áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP và tương đương...), hữu cơ đạt 40-50%; diện tích được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước 20-30%;



- Có trên 50% diện tích cây ăn quả chủ lực được cấp mã số vùng trồng;
- Phát triển các giống cây ăn quả đặc sản, giống chất lượng cao gắn với cơ sở chế biến, xây dựng thương hiệu. Phân đầu có ít nhất 1-2 sản phẩm được xếp hạng sản phẩm OCOP ở các địa phương.
- Thu nhập vùng sản xuất cây ăn quả tập trung đạt bình quân 250 triệu đồng/ha/năm.

### **c. Đề án phát triển cây ăn quả bền vững trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2025, định hướng đến năm 2030**

Ngày 28/12/2023, Ủy ban Nhân dân tỉnh Kon Tum ký Quyết định số 791/QĐ-UBND Phê duyệt Đề án phát triển cây ăn quả bền vững trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

#### ***Mục tiêu chung:***

- Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên địa bàn tỉnh theo hướng tăng giá trị trên cùng một đơn vị diện tích. Phát huy hiệu quả lợi thế về điều kiện tự nhiên để hình thành những vùng sản xuất cây ăn quả lớn, phù hợp, bền vững, mang tính hàng hoá gắn với phát triển các sản phẩm chế biến sâu từ trái cây; hình thành vườn cây đầu dòng, vườn ươm giống, chợ giống cây trồng,... để cung ứng giống tại chỗ đảm bảo chất lượng, nguồn gốc; xây dựng nhà máy chế biến và các cơ sở sơ chế, đóng gói, bảo quản trái cây đảm bảo chất lượng, tiêu chuẩn xuất khẩu.

- Các vùng sản xuất cây ăn quả tập trung, ứng dụng công nghệ cao, áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt hoặc áp dụng các tiêu chuẩn chất lượng trong sản xuất, các sản phẩm trái cây tươi và sau chế biến đảm bảo các tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, cung cấp nguyên liệu cho nhà máy chế biến trái cây và phục vụ xuất khẩu.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã sản xuất cây ăn quả theo quy mô hàng hoá, ứng dụng công nghệ cao, theo tiêu chuẩn chất lượng sản xuất, sản phẩm.

#### ***Mục tiêu cụ thể đến năm 2025:***

- Hình thành và phát triển khoảng 13.000 ha cây ăn quả trên địa bàn tỉnh. Trọng điểm là hình thành vùng trồng tập trung, chuyên canh một số loại cây chủ lực (gồm: sầu riêng, chuối, bơ, mít, chanh dây, dứa, xoài, nhãn, cây có múi) tại các địa phương có điều kiện tự nhiên phù hợp và thuận lợi trên địa bàn tỉnh. Trong đó có ít nhất 2.450 ha trồng





chuyên canh thuộc vùng sản xuất trọng tâm của các huyện, thành phố. Đồng thời, thực hiện cải tạo diện tích vườn tạp và chuyển đổi các diện tích cây trồng khác có hiệu quả kinh tế thấp để trồng cây ăn quả.

- Việc trồng, chăm sóc, thu hoạch, chế biến cây ăn quả được áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật theo các tiêu chuẩn chất lượng sản xuất (Viet GAP, hữu cơ, GlobalGAP...), các sản phẩm trái cây tươi và sau chế biến đảm bảo chất lượng sản phẩm (ISO 22000, HACCP, SQF, IFS ...). Phân đầu xây dựng và được cấp có thẩm quyền cấp ít nhất 35 mã số vùng trồng cây ăn quả; 10 mã số cơ sở đóng gói đáp ứng các tiêu chí phục vụ xuất khẩu theo tiêu chuẩn của các nước nhập khẩu; diện tích sản xuất cây ăn quả ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật đạt trên 50%.

- Hình thành và công nhận cây đầu dòng, vườn đầu dòng đối với từng loại cây ăn quả chủ lực (gồm: Sầu riêng, chuối, bơ, mít, chanh dây, dứa, xoài, nhãn, cây có múi, ...) thích nghi với điều kiện tự nhiên, sinh thái của tỉnh và có năng suất chất lượng cao gắn với việc phát triển các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây ăn quả ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến đáp ứng mục tiêu phát triển cây ăn quả trên địa bàn tỉnh.

- Hình thành và nâng cao năng lực sản xuất các cơ sở sơ chế, chế biến trái cây trên địa bàn tỉnh. Phân đầu thu hút đầu tư ít nhất 02 nhà máy chế biến trái cây đi vào hoạt động, có tổng công suất 160.000 tấn/năm trở lên, tạo ra các sản phẩm được chế biến sâu, chất lượng cao.

- Hình thành, phát triển các chuỗi liên kết trồng, chăm sóc, thu hoạch, chế biến, tiêu thụ cây ăn quả gắn với việc hình thành các hợp tác xã tại các vùng trồng cây ăn quả tập trung, chuyên canh gắn với việc thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm. Phân đầu hình thành các chuỗi liên kết có phạm vi hoạt động toàn tỉnh và mở rộng liên kết ra các tỉnh khác có cùng tiềm năng, lợi thế. Sản phẩm trái cây của tỉnh Kon Tum được doanh nghiệp lớn thu mua, chế biến, tiêu thụ tại các hệ thống siêu thị trong, ngoài tỉnh và hướng đến xuất khẩu.

- Phân đầu sản lượng tiêu thụ trái cây đạt khoảng 113.000 tấn/năm (trọng tâm là sầu riêng 15.500 tấn, chuối 29.500 tấn, chanh dây 32.000 tấn, cây có múi 6.500 tấn, và một số loại khác), chiếm tỷ trọng 30,2% trong tổng giá trị sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

### ***Mục tiêu cụ thể đến năm 2030***

- Duy trì các mục tiêu đạt được trong giai đoạn 2021 - 2025 và phân đầu đến năm



2030 diện tích cây ăn quả trên địa bàn tỉnh đạt khoảng 15.000 ha đối với các loại cây ăn quả chủ lực đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện chất lượng sản xuất, sản phẩm theo quy định. Nâng diện tích vùng trồng tập trung, chuyên canh lên 4.770 ha.

- Thu hút, hình thành thêm ít nhất 01 nhà máy chế biến các sản phẩm từ trái cây có công suất lớn và năng lực chế biến sâu.

- Phát triển ổn định các chuỗi liên kết trồng, chăm sóc, thu hoạch, chế biến, tiêu thụ cây ăn quả gắn với mở rộng các hợp tác xã hoạt động có hiệu quả.

- Ổn định và khai thác có hiệu quả đối các vườn cây đầu dòng trên địa bàn tỉnh. Mở rộng quy mô các vườn giống cây trồng. Phát triển các chợ đầu mối, chợ phiên giống cây trồng để chủ động cung ứng giống cây trồng đảm bảo chất lượng cho phát triển cây ăn quả.

- Phân đầu sản lượng tiêu thụ đạt khoảng 142.000 tấn/năm (trọng tâm là sầu riêng 22.200 tấn, chanh dây 49.000 tấn, chuối 38.000 tấn, cây có múi 9.200 tấn và các loại khác), chiếm tỷ trọng 32,4% trong tổng giá trị sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

#### **d. Kế hoạch phát triển cây ăn trái chủ lực tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030**

Ngày 17/07/2023, Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp phê duyệt Kế hoạch số 250/KH-UBND về Phát triển cây ăn trái chủ lực tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030

**Mục tiêu chung:** Phát triển cây ăn trái chủ lực tỉnh Đồng Tháp tập trung, an toàn và bền vững, đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao, phù hợp thị trường tiêu thụ và tăng thu nhập cho người sản xuất, tăng giá trị xuất khẩu, thúc đẩy cơ cấu lại ngành nông nghiệp.

#### **Mục tiêu cụ thể:**

##### **❖ Đến năm 2025**

- Diện tích cây ăn trái toàn Tỉnh là 46.413 ha, sản lượng trên 463 nghìn tấn, trong đó: cây có múi (diện tích 10.064 ha, sản lượng 192,4 nghìn tấn); nhãn (5.515 ha, 51,9 nghìn tấn); xoài (16.764 ha, 178,1 nghìn tấn); diện tích sản xuất cây ăn trái hữu cơ là 548 ha..

- Tại các vùng sản xuất cây ăn trái tập trung: (1) Tỷ lệ giá trị sản phẩm được sản xuất dưới các hình thức hợp tác, liên kết đạt 30 - 35%; (2) Tỷ lệ diện tích trồng mới,



trồng tái canh sử dụng giống chất lượng cao 70 - 80%.

- Tỷ lệ diện tích sản xuất thực hành nông nghiệp tốt 30% (VietGAP và tương đương), diện tích áp dụng tưới nước tiên tiến, tiết kiệm 20 - 30%.

- Diện tích cây ăn trái cần quản lý vùng trồng:

+ Diện tích cây mít là 4.067 ha, sản lượng 21,2 nghìn tấn.

+ Diện tích cây sầu riêng là 3.004 ha, sản lượng 4,8 nghìn tấn.

### ❖ **Đến năm 2030**

- Diện tích cây ăn trái toàn Tỉnh là 55.000 ha, sản lượng trên 550 nghìn tấn, trong đó: cây có múi (diện tích 13.335 ha, sản lượng 292,5 nghìn tấn); nhãn (7.000 ha, 72,9 nghìn tấn); xoài (20.180 ha, 217,3 nghìn tấn); diện tích sản xuất cây ăn trái hữu cơ là 1.330 ha..

- Tại các vùng sản xuất cây ăn trái tập trung: (1) Tỷ lệ giá trị sản phẩm được sản xuất dưới các hình thức hợp tác, liên kết đạt 60 - 70%; (2) Tỷ lệ diện tích trồng mới, trồng tái canh sử dụng giống chất lượng cao 80 - 90%.

- Tỷ lệ diện tích sản xuất thực hành nông nghiệp tốt 40 - 50% (VietGAP và tương đương), diện tích áp dụng tưới nước tiên tiến, tiết kiệm 30 - 40%.

- Diện tích cây ăn trái cần quản lý vùng trồng:

+ Diện tích cây mít là 3.500 ha, sản lượng 20,1 nghìn tấn.

+ Diện tích cây sầu riêng là 3.004 ha, sản lượng 4,8 nghìn tấn.

### **Đầu tư cơ sở hạ tầng vùng trồng cây ăn trái chủ lực**

- Đầu tư, nâng cấp hệ thống thủy lợi, giao thông nội đồng vùng sản xuất tập trung quy mô lớn phù hợp với quy hoạch của từng địa phương. Phát triển hệ thống hậu cần (logistics) phục vụ thương mại cho các loại nông sản khác gắn với chợ đầu mối trái cây Tỉnh.

- Hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng hệ thống vận chuyển, kho chứa lạnh và hệ thống xử lý, sơ chế, đóng gói sản phẩm trên cơ sở đề xuất và phương án kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã (HTX).

- Xây dựng khu lưu chứa, hệ thống bể chứa vỏ bao bì thuốc BVTV cho vùng cây ăn trái tập trung.



## IV. TRIỂN VỌNG NGÀNH RAU QUẢ

### 3.1. Hiện trạng tiêu dùng thế giới

Trái cây và rau quả là thành phần quan trọng của chế độ ăn uống lành mạnh. Giảm tiêu thụ rau quả có liên quan đến sức khỏe kém và tăng nguy cơ mắc các bệnh không lây nhiễm (NCD). Ước tính có khoảng 3,9 triệu ca tử vong trên toàn thế giới do tiêu thụ rau quả không đủ trong năm 2017. Tuy nhiên, hầu hết chúng ta không ăn đủ trái cây và rau quả. Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) khuyến nghị tiêu thụ ít nhất 400 g mỗi ngày để gặt hái những lợi ích về sức khỏe và dinh dưỡng.

Liên minh Châu Âu coi giải pháp cho vấn đề tiêu thụ ít trái cây và rau quả là một trong những ưu tiên trong hỗ trợ phát triển tiêu dùng thực phẩm bền vững, cụ thể hóa trong các điều khoản của Thỏa thuận Xanh Châu Âu, mục tiêu của chiến lược Từ Nông trại đến Bàn ăn, Báo cáo Tình trạng An ninh Lương thực và Dinh dưỡng trên Thế giới 2022 và 2021 và đưa lĩnh vực rau quả vào Kế hoạch Chiến lược Chính sách Nông nghiệp Chung (CAP) ở các nước EU. Các biện pháp được thực hiện để chống lại tình trạng tiêu thụ trái cây và rau quả ở mức thấp bao gồm các hành động hỗ trợ các sáng kiến dinh dưỡng hợp lý và vì sức khỏe, nằm trong số các chiến lược quốc gia nhằm cải thiện sức khỏe và giảm thiểu bệnh tật, cũng như trong một số khuyến nghị về chế độ ăn uống toàn cầu được xây dựng cho nhiều quốc gia khác nhau.

Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp (FAO) của Liên hợp quốc cho biết có thể cứu được tới 3,9 triệu sinh mạng mỗi năm nếu tiêu thụ đủ trái cây và rau quả. Người ta ước tính rằng việc thiếu trái cây và rau quả trong chế độ ăn uống của con người hoặc mức tiêu thụ thấp có thể dẫn đến tăng nguy cơ mắc các bệnh mãn tính, suy giảm quá trình trao đổi chất cũng như các vấn đề về điều hòa và tiêu hóa.

WHO khuyến nghị duy trì chế độ ăn uống lành mạnh ngay từ khi còn nhỏ, bao gồm ăn một lượng đáng kể trái cây và rau quả. Lượng trái cây và rau quả hàng ngày của người lớn nên ít nhất là 400 g (khoảng 150 kg mỗi người mỗi năm). Ngoài ra còn có khuyến nghị thứ hai, nghiêm ngặt hơn và ít được trích dẫn hơn của WHO, có tính đến độ tuổi của người tiêu dùng. Khuyến cáo tiêu thụ trái cây và rau quả nên ở mức 600 g mỗi ngày đối với người lớn và thanh thiếu niên (từ 15 tuổi trở lên), 480 g mỗi ngày đối với trẻ em từ 5–14 tuổi và 330 g mỗi ngày đối với trẻ em từ 0–4 tuổi. Số lượng khẩu phần tối thiểu được khuyến nghị là năm khẩu phần mỗi ngày: hai loại trái cây và ba loại rau (không bao gồm khoai tây, khoai lang, sắn và các loại củ có tinh bột khác). Do thực



té là từng loại trái cây và rau quả không có giá trị dinh dưỡng đồng đều nên cần thận trọng để đảm bảo sự đa dạng của chúng trong tiêu dùng hàng ngày<sup>12</sup>.

### 3.2. Dự báo xu hướng tiêu dùng rau quả thế giới

Quy mô thị trường nguyên liệu rau quả đã tăng trưởng mạnh mẽ trong những năm gần đây, từ 221,27 tỷ USD vào năm 2023 lên 234,62 tỷ USD vào năm 2024 với tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) là 6,0%. Sự tăng trưởng trong thời kỳ lịch sử có thể là do nhận thức về sức khỏe, phong trào nhãn hiệu sạch, nâng cao hương vị và vị giác, sự gia tăng chế độ ăn chay và thuần chay, thay đổi sở thích của người tiêu dùng.

Quy mô thị trường nguyên liệu rau quả dự kiến sẽ tăng trưởng mạnh mẽ trong vài năm tới. Nó sẽ tăng lên 304,14 tỷ USD vào năm 2028 với tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) là 6,7%. Sự tăng trưởng trong giai đoạn dự báo có thể là do nhu cầu ngày càng tăng về phụ gia thực phẩm tự nhiên, phát triển sản phẩm sáng tạo, các giải pháp tiện lợi và sẵn sàng để ăn, mở rộng thị trường toàn cầu, thay đổi mô hình chế độ ăn uống của người tiêu dùng. Các xu hướng chính trong giai đoạn dự báo bao gồm sự kết hợp ẩm thực toàn cầu, tìm nguồn cung ứng và sản xuất bền vững, xu hướng tiện lợi và ăn vặt, thực phẩm chức năng và nguyên liệu, chế độ ăn thuần chay và thực vật.<sup>13</sup>

### 3.3. Dự báo xu thế sản xuất của Việt Nam

Bộ Nông nghiệp và PTNT đặt mục tiêu đạt tốc độ tăng GTSX 2,0 - 2,2%; giá trị sản phẩm thu hoạch trên 01 ha đất trồng trọt là 125 triệu đồng. Phát triển trồng trọt tuần hoàn, phát thải các bon thấp, thân thiện với môi trường, đặt sản xuất trồng trọt trong mô hình kinh tế tuần hoàn, nhất là chuỗi trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản theo hướng hạn chế chất thải, biến chất thải của tiểu ngành này thành đầu vào chất lượng của tiểu ngành kia, qua đó giảm khai thác tài nguyên, giảm chi phí sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm. Tập trung phát triển các vùng sản xuất hàng hoá chuyên canh quy mô lớn (cánh đồng lớn), chất lượng cao như lúa, rau, hoa, quả đặc sản... gắn với hợp tác, liên kết sản xuất, phát triển chuỗi giá trị; xây dựng mã số vùng trồng gắn với chỉ dẫn địa lý, truy suất nguồn gốc và phát triển thương hiệu. Nghiên cứu, chọn tạo, nhập nội, chuyên giao các giống cây trồng có năng suất cao, chất lượng tốt, có khả năng chống chịu sâu bệnh; thích ứng biến đổi khí hậu và đáp ứng với yêu cầu đa dạng hóa thị trường. Áp dụng cơ giới hóa đồng bộ từ khâu sản xuất đến thu hoạch, bảo quản, chế biến theo chuỗi giá trị trước hết đối với sản phẩm chủ lực tại các vùng sản xuất tập trung,

<sup>12</sup> <https://www.mdpi.com/2071-1050/15/21/15512>

<sup>13</sup> <https://www.thebusinessresearchcompany.com/report/fruit-and-vegetable-ingredients-global-market-report>



quy mô lớn. Thực hiện Kết luận của Bộ Chính trị và Nghị quyết của Chính phủ về “Bảo đảm ANLT quốc gia đến năm 2030”; sử dụng linh hoạt đất lúa để vừa đảm bảo ANLT quốc gia, vừa nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tăng thu nhập cho nông dân; hướng dẫn chuyển đổi đất lúa kém hiệu quả sang cây trồng khác có thị trường và thu nhập cao hơn, trọng tâm sang rau đậu, cây ăn quả và nuôi trồng thủy sản.

- Bộ Nông nghiệp và PTNT định hướng phát triển cây trồng chủ lực, như sau: (1) Khoai lang (diện tích 85 nghìn ha, sản lượng 1,0 triệu tấn); (2) Cây thực phẩm: tăng diện tích rau lên 1,03 triệu ha, sản lượng 19,7 triệu tấn. Diện tích đậu 130 nghìn ha, sản lượng 160 nghìn tấn; (3) Cây ăn quả: Tăng diện tích lên 1,28 triệu ha, trong đó: Cây xoài: Diện tích 118 nghìn ha, sản lượng 1,1 triệu tấn. Cây chuối: Diện tích 162 nghìn ha, sản lượng 2,65 triệu tấn. Cây thanh long: Diện tích 52 nghìn ha, sản lượng 1,35 triệu tấn. Cây cam: Diện tích 82 nghìn ha, sản lượng 1,75 triệu tấn. Cây bưởi: Diện tích 110 nghìn ha, sản lượng 1,15 triệu tấn. Cây dứa: Diện tích 52 nghìn ha, sản lượng 750 nghìn tấn. Cây nhãn: Diện tích 83 nghìn ha, sản lượng 650 nghìn tấn. Cây vải: diện tích 55 nghìn ha, sản lượng 370 nghìn tấn. Cây sầu riêng: Diện tích 130 nghìn ha, sản lượng 1,2 triệu tấn. Cây mít: Diện tích 82 nghìn ha, sản lượng 980 nghìn tấn.<sup>14</sup>

---

<sup>14</sup> Báo cáo Tổng kết thực hiện Kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn năm 2023 và triển khai kế hoạch năm 2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT

## **Bản tin được tổng hợp từ các nguồn:**

- |                            |   |
|----------------------------|---|
| [1]. FAOSTAT               | <a href="https://www.fao.org/faostat/en/">https://www.fao.org/faostat/en/</a> |
| [2]. Tổng cục Thống kê     | <a href="https://www.gso.gov.vn/">https://www.gso.gov.vn/</a>                 |
| [3]. Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ | <a href="https://www.fsa.usda.gov/">https://www.fsa.usda.gov/</a>             |
| [4]. Bộ Công thương        | <a href="https://moit.gov.vn/">https://moit.gov.vn/</a>                       |
| [5]. Bộ Nông nghiệp & PTNT | <a href="http://www.mard.gov.vn">http://www.mard.gov.vn</a>                   |
| [6]. Tổng cục Hải Quan     | <a href="https://www.customs.vn">https://www.customs.vn</a>                   |

Báo cáo được thực hiện bởi **AGROiNFO**

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

**TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN**

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: [info@agro.gov.vn](mailto:info@agro.gov.vn)

Website: [www.agro.gov.vn](http://www.agro.gov.vn)